



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

**TÀI LIỆU HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

**TÀI LIỆU HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG**

STT	VĂN BẢN
1	Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị
2	Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát
3	Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
4	Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính 2020
5	Tờ trình thông qua Phương án phân phối lợi nhuận 2020 và KHKD 2021
6	Tờ trình thông qua việc phát hành cổ phiếu cho người lao động (ESOP)
7	Tờ trình thông qua việc ủy quyền và giao cho Hội đồng quản trị phát hành tăng vốn điều lệ của Công ty
8	Tờ trình trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi
9	Tờ trình thông qua việc giao và ủy quyền cho HĐQT quyết định các giao dịch phát sinh doanh thu, chi phí với những bên có liên quan
10	Tờ trình thông qua thù lao Thành viên HĐQT và BKS
11	Tờ trình thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán
12	Tờ trình thông qua Điều lệ, Quy chế hoạt động HĐQT, Quy chế hoạt động BKS, Quy chế nội bộ về quản trị công ty
13	Phụ lục: Danh mục một số điểm sửa đổi, bổ sung
14	Dự thảo Điều lệ
15	Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty
16	Dự thảo Quy chế hoạt động HĐQT
17	Dự thảo Quy chế hoạt Động BKS
18	Tờ trình thông qua việc miễn nhiệm và bầu bổ sung Thành viên BKS
19	Sơ yếu lý lịch ứng viên TV BKS
20	Thông báo vv đề cử, ứng cử TV BKS
21	Dự thảo Quy chế bầu cử TV BKS
22	Dự thảo Quy chế tổ chức và biểu quyết tại ĐHĐCĐ
23	Dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ

CHƯƠNG TRÌNH HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021

Thời gian tổ chức: 08 giờ 30 phút ngày 23/04/2021 (Thứ Sáu)



	❖ Tiếp đón Cổ đông
I. KHAI MẠC	
08h30 - 09h00	Đón tiếp đại biểu, cổ đông Đăng ký cổ đông và phát tài liệu
09h00 - 09h15	Khai mạc, tuyên bố lý do và giới thiệu thành phần tham dự Công bố kết quả kiểm tra tư cách cổ đông
09h15 - 09h30	Giới thiệu và thông qua quy chế làm việc của Đại hội
	Giới thiệu và thông qua chương trình Đại hội
	Giới thiệu và thông qua Đoàn chủ tịch, Ban thư ký và Ban kiểm phiếu
II. NỘI DUNG	
9h30-10h10	➤ <i>Thông qua các báo cáo:</i>
	1. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và kế hoạch hoạt động 2021;
	2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về kết quả sản xuất kinh doanh 2020 và kế hoạch kinh doanh 2021,
	3. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020 và kế hoạch hoạt động 2021.
	➤ <i>Thông qua các Tờ trình:</i>
	1. Tờ trình thông qua báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 đã kiểm toán;
	2. Tờ trình thông qua Phương án phân phối lợi nhuận 2020 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh 2021;
	3. Tờ trình thông qua việc phát hành cổ phiếu cho người lao động;
	4. Tờ trình thông qua việc ủy quyền và giao cho Hội đồng quản trị phát hành tăng vốn điều lệ của Công ty;
	5. Tờ trình trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi 2020;
	6. Tờ trình thông qua việc giao và ủy quyền cho HĐQT quyết định các hợp đồng, giao dịch phát sinh doanh thu và/hoặc chi phí với những bên có liên quan và một số nội dung khác thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ;
7. Tờ trình chi thù lao HĐQT, BKS năm 2020 và đề xuất chi năm 2021;	
8. Tờ trình chọn đơn vị kiểm toán 2021;	
9. Tờ trình thông qua Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế hoạt động của BKS;	
10. Tờ trình thông qua việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên BKS,	
11. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông	
10h10-10h30	Phát biểu thảo luận.
10h30-10h50	Biểu quyết thông qua các báo cáo, tờ trình
10h50-11h10	Thông qua việc từ nhiệm và bầu bổ sung thành viên BKS:
	Nghỉ giải lao
III. BẾ MẠC	
11h10-11h30	Thông qua biên bản Đại hội.
	Thông qua nghị quyết Đại hội.
	Bế mạc Đại hội.

BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI



Vĩnh Long, ngày 30 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Kính thưa Quý vị cổ đông!

Thay mặt Hội đồng quản trị (HĐQT), tôi xin báo cáo trước Đại hội về tình hình hoạt động của HĐQT trong năm 2020 và phương hướng hoạt động năm 2021 như sau:

I. VỀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2020

- Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 được tổ chức vào ngày 24/06/2020:
 1. Thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2020: xin xem phần báo cáo bên dưới
 2. Thực hiện chi thù lao HĐQT, BKS năm 2020: xin xem phần báo cáo bên dưới
 3. Việc Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định các hợp đồng, giao dịch phát sinh doanh thu và/hoặc chi phí với những bên có liên quan:
Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020, số 01/NQ.ĐHĐCĐ ngày 24/06/2020, Hội đồng quản trị có ban hành Quyết định số 11/QĐ.HĐQT ngày 14/07/2020 về việc thông qua các hợp đồng, giao dịch với Công ty cổ phần Tập đoàn F.I.T, công ty con và công ty thành viên.
 4. Về lựa chọn công ty kiểm toán:
Năm 2020, HĐQT đã chọn và ký hợp đồng với Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn UHY để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020 và soát xét báo cáo tài chính bán niên của Công ty cổ phần Dược phẩm Cửu Long (DCL).
 5. Về đầu tư:
Căn cứ định hướng phát triển của Công ty và nhu cầu thị trường, Hội đồng quản trị đã triển khai đầu tư mở rộng Nhà máy sản xuất Capsule giai đoạn 4, và đầu tư xây dựng mới Nhà máy thiết bị y tế Benovas trực thuộc Công ty cổ phần thiết bị y tế Benovas. Thông tin về dự án: xin xem phần báo cáo bên dưới.

II. HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị gồm 05 thành viên:

1. Ông Nguyễn Văn Sang - Chủ tịch HĐQT
 2. Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt - Phó Chủ tịch HĐQT
 3. Ông Nguyễn Ngọc Bích - Thành viên HĐQT
 4. Bà Nguyễn Lê Hoàng Yên - Thành viên HĐQT
 5. Ông Phí Xuân Trường - Thành viên HĐQT
- HĐQT đã tổ chức 16 cuộc họp định kỳ và bất thường trong năm. Đa phần các cuộc họp với nội dung chính là triển khai thực hiện những vấn đề đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 thông qua, bổ nhiệm nhân sự chủ chốt..., đồng thời họp cùng Ban TGD về chiến lược phát triển sản phẩm mới, chiến lược kinh doanh, đầu tư nâng cao năng lực sản xuất, thông qua OGSM, ngân sách hoạt động của công ty.
 - Để thực hiện hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, Chủ tịch HĐQT phân công nhiệm vụ đến từng thành viên HĐQT. Các thành viên thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng, đem hết năng lực và tâm huyết của mình đóng góp cho sự phát triển của công ty, tuân thủ đúng quy định pháp luật.

- Hội đồng quản trị đã thực hiện đúng theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020, thường xuyên đánh giá, phân tích tình hình thị trường và hoạt động sản xuất kinh doanh thực tế tại Công ty để đưa ra các định hướng và quyết định phù hợp từng thời điểm, nỗ lực hoàn thành doanh thu và lợi nhuận 2020.
- Quan tâm đến lợi ích của cổ đông, thực hiện công bố thông tin đầy đủ, kịp thời định kỳ và bất thường.
- Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị trong năm như sau:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	Nghị quyết số 04/NQ.HĐQT	25/02/2020	Về việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020	100%
2	Quyết định số 02/QĐBN-DCL	11/03/2020	Về việc bổ nhiệm ông Dao Philip Phuoc giữ chức vụ Phó TGD phụ trách Ban điều hành	100%
3	Nghị quyết số 07/NQ.HĐQT	23/03/2020	Về việc xin gia hạn tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020	100%
4	Nghị quyết số 08/NQ.HĐQT	11/05/2020	Về việc hủy danh sách cổ đông đã chết, triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020	100%
5	Quyết định số 04/QĐBN-DCL	15/05/2020	Về việc bổ nhiệm ông Võ Xuân Vinh giữ chức vụ Phó TGD phụ trách kinh doanh	100%
6	Nghị quyết số 09/NQ.HĐQT	07/07/2020	Về việc chọn Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính 2020	100%
7	Quyết định số 10/QĐ.HĐQT	14/07/2020	Về việc giải thể công ty con là công ty TNHH MTV DP Mê Kông	100%
8	Quyết định số 11/QĐ.HĐQT	14/07/2020	Về việc thông qua các hợp đồng, giao dịch với những bên có liên quan	100%
9	Quyết định số 07/QĐ-DCL	31/08/2020	Về việc thôi chức vụ Phó TGD phụ trách Ban điều hành đối với ông Dao Philip Phuoc	100%
10	Nghị quyết số 12/NQ.HĐQT	01/12/2020	Về việc thôi chức vụ Phó TGD phụ trách sản xuất đối với ông Lưu Quế Minh; bổ nhiệm ông Nguyễn Trọng Đức giữ chức vụ Phó TGD phụ trách sản xuất	100%

1. Về các mặt điều hành của HĐQT: Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc:

Trong năm, HĐQT đã giám sát và chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc thực hiện các vấn đề sau:

- Việc triển khai thực hiện các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 thông qua, việc thực hiện các vấn đề theo Nghị quyết HĐQT thông qua các cuộc họp, các báo cáo hàng tháng, quý và theo yêu cầu của HĐQT;
- Việc thực hiện Quy chế phân quyền (Org.MoA) tại DCL.
- Việc nâng cao hiệu quả công việc toàn công ty thông qua xây dựng hệ thống OGSM và đánh giá KPIs;
- Việc triển khai thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh tuân thủ các quy định của các cơ quan quản lý nhà nước;
- Điều chỉnh chiến lược kinh doanh phù hợp tình hình thị trường từng thời điểm; các giải pháp để đạt doanh số mục tiêu;
- Liên tục nghiên cứu & phát triển sản phẩm mới, tập trung đầu tư các sản phẩm thử tương đương sinh học;
- Cải tiến chất lượng sản phẩm, nâng cao năng suất thông qua việc trang bị bổ sung máy móc, thiết bị sản xuất hiện đại, cao tốc tại các nhà máy;
- Quản lý tài chính hiệu quả, kiểm soát chi phí theo ngân sách được phê duyệt từ đầu năm;
- Phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2020 làm cơ sở xây dựng Kế hoạch kinh doanh 2021;
- Tạo điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát thực hiện tốt vai trò kiểm soát tại Công ty.

- Giám sát hoạt động của Ban điều hành. Hội đồng quản trị đánh giá: trong năm 2020 Ban điều hành đã thực hiện đúng Nghị quyết Hội đồng quản trị, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, luôn phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh.

2. Về đầu tư

- Đầu tư mở rộng Nhà máy sản xuất Capsule giai đoạn 4 bằng việc lắp đặt 4 máy sản xuất viên nang mới, nâng công suất lên 8,56 tỷ nang/năm, đáp ứng nhu cầu sử dụng nội bộ, khách hàng hiện tại và khách hàng mới khai thác cho năm 2021 và những năm tiếp theo.
- Dự án Nhà máy sản xuất TBYT Benovas thuộc công ty cổ phần TBYT Benovas khởi công xây dựng trong quý 1/2021, dự kiến hoàn thành đưa vào hoạt động quý 1/2022. Nhà máy với công suất thiết kế 300 triệu sản phẩm/năm tạo ra thêm dòng sản phẩm trang thiết bị y tế mới đáp ứng nhu cầu phục vụ chữa bệnh trong nước và xuất khẩu và góp phần cung cấp thiết bị y tế phòng chống dịch Covid-19.

Hai dự án này sau khi hoàn thành đưa vào sử dụng, dự kiến doanh thu hợp nhất của DCL đạt 1.200 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 140 tỷ đồng.

3. Hoạt động khác:

- Bên cạnh quyết tâm đạt kế hoạch kinh doanh mà Đại hội đồng cổ đông thông qua, HĐQT còn yêu cầu Ban Tổng Giám đốc tăng cường việc quan hệ hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước, thực hiện bán cất lô sản phẩm, xuất khẩu...góp phần tăng doanh thu, lợi nhuận, tăng giá trị đầu tư của cổ đông.
- Nâng cao năng lực cạnh tranh thông qua việc xây dựng chiến lược kinh doanh riêng biệt, đảm bảo chất lượng sản phẩm, giữ mức giá cạnh tranh, đồng thời mở rộng phạm vi phân phối và quảng bá hình ảnh sản phẩm trên thị trường.

III. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

DVT: triệu đồng

Khoản mục	Thực hiện 2020	So với kế hoạch 2020		So với năm 2018	
		Kế hoạch 2020	% hoàn thành	Thực hiện năm 2019	% Tăng/giảm
Doanh thu thuần	671.246	843.974	79.53%	752.014	-10.74%
Lợi nhuận sau thuế	68.928	104.530	65.94%	87.003	-20.78%

(Theo BCTC hợp nhất năm 2020 đã kiểm toán)

IV. CHI TRẢ THÙ LAO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT

Thực hiện kế hoạch chi trả thù lao đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 phê duyệt, Công ty thực hiện chi trả hàng quý như sau:

1. Thù lao Hội đồng quản trị:
 - Chủ tịch: 5.000.000 đồng/tháng,
 - Thành viên (4 thành viên): 4.000.000 đồng/tháng.
 - Tổng chi trả năm 2020: 252.000.000 đồng
2. Thù lao Ban Kiểm soát:
 - Trưởng Ban Kiểm soát: 3.000.000 đồng/tháng,
 - Thành viên (2 thành viên): 2.000.000 đồng/tháng.
 - Tổng chi trả năm 2020: 84.000.000 đồng

V. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2021:

Thực hiện mục tiêu phát triển ổn định và bền vững, cung cấp việc làm cho lao động địa phương cũng như tạo giá trị đầu tư cho cổ đông, Hội đồng quản trị xác định phương hướng hoạt động 2021 như sau:

- Quản trị, chỉ đạo hoàn thành kế hoạch kinh doanh 2021, dự kiến:

Stt	Khoản mục	Số tiền
1	Doanh thu thuần	805.000 triệu đồng
2	Lợi nhuận gộp	301.457 triệu đồng
3	Lợi nhuận trước thuế	110.009 triệu đồng

- Về sản xuất: thực hiện dự án cải tiến sản xuất, đầu tư bổ sung máy móc, thiết bị hiện đại, cao tốc cho các nhà máy sản xuất. Tập trung hoàn thành dự án Nhà máy thiết bị y tế Benovas đúng tiến độ.
- Về sản phẩm: nghiên cứu đạt tương đương sinh học 5 sản phẩm, định hướng nghiên cứu tương đương sinh học 5 sản phẩm mới.
- Về kinh doanh: phát triển các sản phẩm chiến lược ở tất cả 3 ngành hàng Dược phẩm, Capsule, dụng cụ y tế.
- Hệ thống quản lý tài chính theo chuẩn mực chung, kiểm soát ngân sách sử dụng theo kế hoạch, đảm bảo nguồn lực cho các dự án đầu tư.
- Chú trọng đảm bảo lực lượng sản xuất lành nghề, lực lượng cán bộ quản lý có trình độ chuyên sâu và có kinh nghiệm; bảo toàn và phát triển giá trị đầu tư của cổ đông.
- Thực hiện các dự án đầu tư:
 - Dự án xây dựng Tổng kho 2 tại Vĩnh Long đáp ứng nhu cầu dự trữ nguyên liệu sản xuất, hàng thành phẩm.
 - Dự án Trung tâm nghiên cứu phát triển sản phẩm và kiểm nghiệm nâng tầm nghiên cứu, phát triển nhiều sản phẩm mới đưa ra thị trường.

Trên đây là báo cáo hoạt động của HĐQT trong năm 2020 và phương hướng hoạt động năm 2021. Với quyết tâm của HĐQT, Ban điều hành cùng những ý kiến đóng góp của quý vị cổ đông, HĐQT tin tưởng DCL sẽ hoàn thành các chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua. Rất mong nhận được sự ủng hộ lâu dài của quý vị cổ đông, các đối tác và các khách hàng.

Chúc quý vị sức khỏe, hạnh phúc và thành công!

Trân trọng cảm ơn.

**TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(Đã ký, đóng dấu)

Nguyễn Văn Sang



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Vĩnh Long, ngày 30 tháng 03 năm 2021

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020
VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2021**

Kính thưa Quý vị cổ đông!

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc tôi xin báo cáo trước Đại hội kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch kinh doanh năm 2021 như sau:

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020:

Đvt: triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2020	Kế hoạch 2020	Thực hiện so với kế hoạch	Thực hiện 2019	Thực hiện so với 2019
Doanh thu thuần	671.246	843.974	-20.47%	752.014	-10.74%
Giá vốn	483.609	564.408		564.820	
Lợi nhuận gộp	187.637	279.566	-32.88%	187.194	0.24%
Doanh thu tài chính	71.964	72.248		137.492	
Chi phí tài chính	34.566	32.292		46.523	
Chi phí bán hàng	97.996	161.083		128.026	
Chi phí quản lý	41.737	53.908		46.381	
Lợi nhuận thuần từ HĐSXKD	85.301	104.530		103.757	
Lợi nhuận trước thuế	85.944	104.530	-17.78%	104.732	-17.94%
Lợi nhuận sau thuế	68.928	83.624	-17.57%	87.003	

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất 2020 đã kiểm toán)

1. Kết quả kinh doanh:

1.1. Kết quả:

➤ **Doanh thu thuần từng ngành hàng như sau:**

Đvt: triệu đồng

Nhóm hàng	Thực hiện 2020	Thực hiện 2019	Kế hoạch 2020	% tăng/giảm so với 2019	% hoàn thành kế hoạch
Dược phẩm	352.323	391.540	454.199	-10.02%	77.57%
Capsule	230.401	229.995	265.038	0.18%	86.93%
Vikimco	82.541	86.854	92.625	-4.97%	89.11%
Euvipharm	4.074	22.625	5.525	-81.99%	73.74%
Hàng ngoài	1.907	21	26.587	-90.92%	7.17%
Tổng	671.246	752.014	843.974	-10.74%	79.53%

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất 2020 đã kiểm toán)

- Doanh thu thuần đạt 79.53% so với kế hoạch và giảm 10.74% so với năm 2019, doanh thu không đạt kế hoạch nguyên nhân chủ yếu là do:
 - **Dược phẩm: Mảng đầu thầu ETC:** có sự cạnh tranh về giá dẫn đến mặt bằng giá bán giảm so với trung bình 2019. Doanh thu các sản phẩm chiến lược tương đương sinh học chưa được công bố theo kế hoạch

nên ảnh hưởng trong triển khai đấu thầu. Tình hình dịch Covid-19 làm chậm kế hoạch đấu thầu của các cơ sở Y Tế so với kế hoạch dự kiến.

Mảng OTC: doanh thu chưa đạt kế hoạch do sự thay đổi về chính sách quản lý của Bộ Y Tế đối với nhóm thuốc kháng sinh và các thuốc quản lý đặc biệt làm cho việc kinh doanh nhóm thuốc này cho nhà thuốc khó khăn hơn.

- **Capsule:** thị trường chung giảm sút do ảnh hưởng của dịch bệnh, nhưng capsule vẫn giữ vững được doanh thu, thị trường và thị phần. Trong năm 2020 các nhà máy capsule đều vận hành hết công suất 3 ca nhưng vẫn không đáp ứng được yêu cầu của thị trường.
- **Vikimco:** có chịu ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, nhưng vẫn duy trì cơ số hàng trúng thầu. Tập trung phát triển hàng bơm Insulin nên có lợi nhuận tốt. đạt và vượt mục tiêu lợi nhuận đề ra.

➤ **Lợi nhuận sau thuế:**

DVT: triệu đồng

Khoản mục	Thực hiện 2020	So với kế hoạch 2020		So với năm 2019	
		Kế hoạch 2020	% hoàn thành	Thực hiện năm 2019	% Tăng/giảm
Lợi nhuận sau thuế	68.928	83.624	82.43%	87.003	-20.78%

- Lợi nhuận sau thuế năm 2020 đạt 82.43% so với kế hoạch và giảm 20.78% so với năm 2019, nguyên nhân chủ yếu là do:
 - Giảm doanh thu so với kế hoạch
 - Thanh lý hàng tồn kho
 - Tăng giá thành do biến động nguyên vật liệu và công suất sản xuất.

1.2. Tổ chức hệ thống bán hàng:

Để nâng cao hiệu quả kinh doanh, trong năm 2020 và những năm tiếp theo Dược Cửu Long sẽ tiếp tục tập trung mở rộng và phát triển hệ thống bán hàng, đào tạo nâng cao nhân sự, tập trung xây dựng nhóm hàng chiến lược, có doanh số lớn và lợi nhuận cao hoặc những dòng sản phẩm khác biệt, ít đối thủ cạnh tranh. Hệ thống phân phối của Dược Cửu Long trong thời gian tới cũng sẽ tinh gọn hơn, có độ phủ rộng, các sản phẩm sẽ được lưu thông thông suốt, nhanh chóng, dễ xâm nhập thị trường:

- Hệ thống phân phối của Dược Cửu Long với hình thức bán trực tiếp thông qua 11 chi nhánh tại các tỉnh, thành phố lớn và hơn 70 nhà phân phối/Đại lý trên phạm vi toàn quốc.
- Kênh ETC trực tiếp tham gia thầu tại các sở y tế trên cả nước và cung cấp hàng hóa trực tiếp đến tất cả các bệnh viện, trung tâm y tế thông qua hệ thống chi nhánh của công ty trên toàn quốc.
- Capsule cung cấp nang cho các Công ty lớn chuyên sản xuất thuốc tân dược, đông dược và thực phẩm chức năng trong nước. Năm 2020 công ty đã ký hợp đồng với các khách hàng có doanh số lớn, mở ra cơ hội hợp tác kinh doanh lâu dài và ổn định.

Ngoài ra, các bao bì sản phẩm của Dược Cửu Long có sự thay đổi theo bộ nhận diện thương hiệu mới. Nhằm xác định sản phẩm và định vị của Dược Cửu Long trên thị trường. Các bao bì sản phẩm của Dược Cửu Long trong thời gian sắp tới có nhiều điểm nổi bật dựa trên các tiêu chí “dễ nhìn - dễ biết - dễ thấy”. Kế hoạch thay đổi bao bì sản phẩm, theo lộ trình dự kiến sẽ hoàn tất vào Quý 2/2021.

2. Kết quả sản xuất

DVT: Triệu sản phẩm

Nhóm hàng	Thực hiện năm 2020	So với kế hoạch năm 2020		So với năm 2019	
		Kế hoạch năm 2020	% hoàn thành kế hoạch	Thực hiện năm 2019	% tăng /giảm
Dược phẩm	736	1,200	61%	1,096	(32.8%)

Capsule	5,066	5,098	99%	4,743	6.8%
Dụng cụ y tế	114	116	98%	140.5	(19%)
Tổng cộng	5,917	6,414	92%	5,980	(1.1%)

2.1. Nhà máy sản xuất dược phẩm:

- Năm 2020, dịch Covid-19 bùng phát trên toàn cầu làm ảnh hưởng nghiêm trọng tình hình sản xuất kinh doanh trên thế giới nói chung và Dược Cửu Long nói riêng. Bên cạnh đó đầu năm 2020 nhà máy sản xuất dược phẩm phải dừng sản xuất để sửa chữa cải tạo nhà máy chuẩn bị cho công tác đánh giá GMP WHO tái cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất kinh doanh. Trước tình hình khó khăn đó Lãnh đạo công ty họp bàn đưa ra quyết sách: sửa chữa từng xưởng riêng biệt để đảm bảo duy trì sản xuất và cung cấp đầy đủ hàng hóa cho kinh doanh, đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe cộng đồng. Đến tháng 07/2020 nhà máy được Cục Quản lý Dược Bộ Y Tế tiếp tục tái cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn GMP WHO.
- Do ảnh hưởng của dịch Covid-19, việc nhập khẩu nguyên liệu phục vụ cho sản xuất gặp rất nhiều khó khăn nên kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất năm 2020 chỉ đạt 742/1,236 triệu đơn vị sản phẩm (60%), giảm 33% so với cùng kỳ. Tuy nhiên công ty cũng đã đưa ra chiến lược sản xuất kinh doanh hợp lý, tập trung phát triển sản xuất kinh doanh các nhóm hàng chủ lực có giá trị cao, doanh thu cao như: thuốc tim mạch, đái tháo đường, kháng virus thể hệ hoàn toàn mới nên góp phần tăng lợi nhuận, doanh thu cho công ty.
- Song song với việc mạnh dạn đầu tư sửa chữa và đầu tư trang thiết bị hiện đại cho sản xuất, Công ty còn thực hiện kế hoạch rà soát, đánh giá và tinh giảm nhân sự (Innovation) trong tất cả các dây chuyền sản xuất của các nhà máy nhằm tối ưu hóa trong sản xuất. Kết quả của dự án đã mang lại hiệu quả tích cực: tinh giảm 15% nhân sự nhưng hiệu suất tăng 20%, góp phần giải quyết phần nào khó khăn trong tình hình chung hiện nay.

2.2. Nhà máy sản xuất Capsule: trong năm nhà máy đã thực hiện các hạng mục lớn như:

- Đầu tư nâng cấp nhà xưởng theo tiêu chuẩn GMP-WHO, trong đó bao gồm các hạng mục chính như sau:
 - + Cải tạo trần khu vực sản xuất (lắp trần panel, đèn âm trần, sơn phủ mới nền epoxy)
 - + Cải tạo, lắp mới khu vực pha chế -lưu màu theo nguyên tắc 1 chiều
 - + Đầu tư nồi hấp tiệt trùng công suất 3 m³.
 - + Đầu tư cách âm nhà Chiller triệt tiêu tiếng ồn ra khu dân cư.
- Nhà máy đã được tái cấp chứng nhận GMP-WHO.
- Trang bị thêm 6 máy lựa nang tự động, 01 máy lựa nang in, 02 máy in nang
- Trong năm qua toàn thể CB.CNV nhà máy đã cố gắng hết mình để đạt sản lượng tốt nhất nhưng do phải tạm dừng sản xuất khoảng 1 tháng để cải tạo nhà xưởng và do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 –thiếu đơn hàng các tháng cuối năm nên tổng sản lượng đạt chỉ đạt 4.893 triệu nang, đạt 94,16% so với kế hoạch, tăng 3,16% so với năm 2019. Nhà máy đã khai thác 100% công suất các dây chuyền thiết bị thuộc dự án mở rộng Capsule 3. Sản phẩm của các dây chuyền này đã được 100% khách hàng sử dụng, và phản hồi tốt về chất lượng.
- Hiện tại 100% sản lượng của 3 nhà máy Capsule 1,2,3 và trong năm 2021 sản lượng của nhà máy Capsule 4 được phân loại khuyết tật bằng máy lựa tự động, chấm dứt hoàn toàn việc phân loại thủ công – tiềm ẩn nhiều nguy cơ bỏ sót khuyết tật do mắt người không thể nhìn thấy...
- Về chất lượng: đã tăng cường quản lý ở tất cả các khâu của qui trình sản xuất nhằm nâng cao chất lượng, giảm tối đa tỉ lệ khuyết tật, phế phẩm. Trong năm qua số lượng sản phẩm không phù hợp có sự cải thiện rõ rệt so với 2020.
- Hệ thống xử lý nước thải (sử dụng công nghệ tiên tiến trong lĩnh vực xử lý nước thải như: Membrane, Reverse Osmosis...) bước đầu đã phát huy được hiệu quả -khắc phục các yếu điểm của công nghệ xử lý

truyền thống, chất lượng nước thải đầu ra được cải thiện hoàn toàn so với trước đây, các nguy cơ phát sinh mùi hôi ra môi trường xung quanh đã được loại trừ.

- Nhà máy đã và đang thực hiện tối ưu hóa nguồn nhân lực thông qua dự án Innovation nhằm nâng cao hiệu quả, năng suất lao động, tăng cao thu nhập của người lao động, tăng lợi nhuận cho Công ty.
- Nhà máy cũng đang thực hiện lộ trình áp dụng hệ thống ERP nhằm mục đích ứng dụng ưu điểm của công nghệ số vào quản lý – sản xuất, đơn giản hóa các thủ tục bằng file cứng (mất thời gian, chi phí...)
- Triển khai đầu tư, lắp đặt các thiết bị hỗ trợ, 4 dây chuyền sản xuất thuộc dự án nhà máy Capsule 4. Phần đầu đưa vào khai thác thương mại từ quý II/2021, phần đầu nâng tổng sản lượng năm 2021 lên 8,5 tỉ nang.

2.3. Nhà máy sản xuất dụng cụ y tế:

- Sản xuất năm 2020 đạt 106,35 triệu sản phẩm đạt 104,65% kế hoạch, giảm 21,09% so với năm 2019 do tái cơ cấu lại sản phẩm.
- Trong năm đã chính thức đưa vào sản xuất dây chuyền in-ghép ống-ép vi ống 5ml tự động đạt sản lượng 37,3 triệu sản phẩm, dây chuyền hoạt động cho ra sản phẩm có chất lượng cao, giảm chi phí sản xuất. Dây chuyền hoạt động giảm 8 lao động/ca. Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015 và ISO 13485: 2016 được đánh giá giám sát duy trì chứng nhận.
- Và 06 bộ khuôn mới được đưa vào sản xuất phục vụ kịp thời cho kế hoạch sản xuất. Tăng năng suất ép nhựa lên 30%, tăng chất lượng kim tiêm do đưa khuôn mới vào sản xuất.
- Thực hiện dự án Innovation trong sản xuất đến cuối năm giảm 17% nhân sự.
- Sản phẩm mới bơm tiêm không chết thấp (low dead space syringe) dùng tiêm insulin đã được khách hàng tin dùng, sản lượng sản xuất bơm insulin đạt 7,8 triệu sản phẩm (năm 2019 bơm insulin sản xuất 500.000 sản phẩm).
- Ngoài ra trong năm Công ty đang đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án xây dựng Nhà máy sản xuất Thiết bị y tế Benovas với công suất thiết kế 300 triệu sp/năm. Khi nhà máy mới đi vào hoạt động sẽ góp phần tăng doanh thu và lợi nhuận cho công ty.

3. Công tác chăm sóc khách hàng (CSKH):

- Năm 2020, Trung tâm CSKH đã từng bước hiện đại hóa các kênh kết nối cũng như chuyên nghiệp hóa nhân sự để phấn đấu trở thành Trung tâm CSKH kiểu mẫu của ngành Dược. Các kênh tương tác với khách hàng được phát triển một cách toàn diện: Sử dụng tổng đài số tích hợp số Hotline và điện thoại cố định, Email Marketing, Web chat, SMS Brandname, Zalo. Nhân viên CSKH cũng ngày càng chuyên nghiệp, được tham gia các lớp đào tạo, trau dồi kỹ năng chăm sóc khách hàng; được đào tạo tại chỗ thường xuyên về các kiến thức liên quan đến sản phẩm, dịch vụ nhằm giải đáp khách hàng tốt nhất, đảm bảo 100% khách hàng hài lòng về chất lượng chăm sóc khách hàng của Công ty.
- Trong năm 2020, Trung tâm CSKH đã phát huy tốt vai trò là trung gian kết nối giữa Khách hàng với Công ty và giữa Khách hàng với các bộ phận trong Công ty và giữa các bộ phận trong Công ty với nhau, cụ thể:
- Gần 4.000 Email , 1.500 tin nhắn Zalo và 19.000 tin nhắn SMS Brandname được gửi tới khách hàng nhân dịp Lễ, Tết, ngày thầy thuốc Việt Nam 27/2 hay các sự kiện truyền thông của Công ty. Bên cạnh đó thông qua các kênh tương tác, Trung tâm CSKH đã giải đáp và kết nối gần 300 feedback giữa Khách hàng với các bộ phận kinh doanh và chuyên môn liên quan, 100% các thông tin được giải đáp và truyền tải kịp thời, không có phần nản của khách hàng về thái độ của nhân viên CSKH hay chất lượng dịch vụ của Công ty.

4. Hoạt động nghiên cứu sản phẩm

- Danh mục dược phẩm của Công ty hiện nay có 137 sản phẩm.
- Trong năm đã hoàn thành nghiên cứu 23 sản phẩm mới.
- Sản phẩm được Cục quản lý Dược cấp số visa mới: 04 sản phẩm.
- Sản phẩm được Cục quản lý Dược cấp duy trì visa: 22 sản phẩm

- Các sản phẩm đạt tương đương sinh học: Thuốc bột pha hỗn dịch Cefixim 200mg; viên nén bao phim Risperidon 2mg. Định hướng nghiên cứu tương đương sinh học 5 sản phẩm mới.
- Cải tiến mẫu mã bao bì theo quy chuẩn giúp nhận diện thương hiệu cho 20 sản phẩm, không ngừng cải tiến nâng cao chất lượng sản phẩm.

5. Thực hiện dự án đầu tư:

- 5.1. Đầu tư mở rộng Nhà máy sản xuất Capsule giai đoạn 4 bằng việc lắp đặt 4 máy sản xuất viên nang mới, nâng công suất lên 8,56 tỷ nang/năm, đáp ứng nhu cầu sử dụng nội bộ, khách hàng hiện tại và khách hàng mới khai thác cho năm 2021 và những năm tiếp theo.
- 5.2. Dự án Nhà máy sản xuất TBYT Benovas thuộc công ty cổ phần TBYT Benovas khởi công xây dựng trong quý 1/2021, dự kiến hoàn thành đưa vào hoạt động quý 1/2022. Nhà máy với công suất thiết kế 300 triệu sản phẩm/năm tạo ra thêm dòng sản phẩm trang thiết bị y tế mới đáp ứng nhu cầu phục vụ chữa bệnh trong nước và xuất khẩu và góp phần cung cấp thiết bị y tế phòng chống dịch Covid-19.
 - Hai dự án này sau khi hoàn thành đưa vào sử dụng, dự kiến doanh thu hợp nhất của DCL đạt 1.200 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 140 tỷ đồng.
- 5.3. Đầu tư các sản phẩm tương đương sinh học; đầu tư mới tại các nhà máy sản xuất, phòng kiểm tra chất lượng các máy móc, thiết bị hiện đại, cao tốc nâng công suất, tăng chất lượng sản phẩm.

6. Các công tác khác:

❖ Nhân sự:

- Tổng số lao động hiện có của công ty cuối năm 2020 là 841 người. Trong đó, trình độ trên đại học: 15 người (1.8%); Đại học, cao đẳng 295 người (35.1%); trung cấp: 243 người (28.9%); sơ cấp và công nhân lành nghề: 288 người (34.2%).
- Các chế độ, chính sách đối với người lao động Công ty luôn quan tâm và thực thi phù hợp với quy định của pháp luật. Thực hiện đúng, đủ các chế độ, chính sách về BHXH, BHYT, BHTN và kiểm tra sức khỏe định kỳ; ngoài ra Công ty còn mua thêm bảo hiểm kết hợp cho người lao động, tổ chức bữa ăn giữa ca, ăn trưa tại Công ty...
- Chương trình đào tạo nội bộ và bên ngoài được thực hiện thường xuyên, người lao động sau các khóa đào tạo được hiểu biết hơn, thành thạo kỹ năng hơn đáp ứng yêu cầu của sự phát triển về công nghệ, về quy mô, về đổi mới sản phẩm của Công ty.
- Công ty đăng tuyển dụng nhân sự trên website Công ty và qua các kênh Vietnamworks, CareerBuilder, lựa chọn được nhân sự có chuyên môn, có kinh nghiệm phù hợp, đáp ứng yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

❖ Trách nhiệm đối với cộng đồng, địa phương:

- Công ty luôn duy trì hoạt động xây dựng và phát triển văn hóa doanh nghiệp, hoạt động cộng đồng. Trong năm 2020, trước diễn biến phức tạp của dịch Covid-19, Công ty đã hỗ trợ 444 lít nước rửa tay sát khuẩn cho các Trường học trong tỉnh, hỗ trợ thuốc thiết yếu phục vụ điều trị tại Khu cách ly, hơn 4.000 khẩu trang y tế và vận động đóng góp bằng tiền mặt ủng hộ người dân miền Trung,...với tổng chi phí cho chương trình này hơn 150 triệu đồng.
- Duy trì thực hiện đóng góp Quỹ vì người nghèo, Quỹ tấm lòng vàng; tặng quà Tết cho người dân tại Phường 5, Phường 8; thăm viếng gia đình Chính sách, hỗ trợ xây dựng nhà tình nghĩa, hỗ trợ thuốc+bánh trung thu cho thiếu nhi nhân dịp Trung thu, Quốc tế thiếu nhi,... tổng kinh phí: 400 triệu đồng.

7. Lương, thưởng của Ban Tổng Giám đốc năm 2020:

STT	Họ và tên	Chức danh	Thu nhập 2020 (đồng)	Ghi chú
1	Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Tổng giám đốc	0	
2	Ông Dao Philip Phuoc	Phó Tổng giám đốc	1,587,080,000	Miễn nhiệm ngày 31/08/2020

3	Ông Lưu Quế Minh	Phó Tổng giám đốc	681,350,000	Miễn nhiệm ngày 01/12/2020
4	Ông Trịnh Quốc Khánh	Phó Tổng giám đốc	673,666,667	
5	Ông Võ Xuân Vinh	Phó Tổng giám đốc	0	Bổ nhiệm ngày 15/05/2020
6	Ông Nguyễn Trọng Đức	Phó Tổng giám đốc	0	Bổ nhiệm ngày 01/12/2020

II. KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2021:

Căn cứ tình hình thị trường kinh doanh dược phẩm, Ban Tổng Giám đốc trình dự kiến Kế hoạch kinh doanh năm 2021 được HĐQT thống nhất trình Đại hội như sau:

Stt	Khoản mục	Số tiền
1	Doanh thu thuần	805.000 triệu đồng
2	Lợi nhuận gộp	301.457 triệu đồng
3	Lợi nhuận trước thuế	110.009 triệu đồng

➤ Dự kiến doanh thu thuần từng ngành hàng:

Nhóm hàng	Thực hiện 2020 (triệu đồng)	Kế hoạch 2021 (triệu đồng)	% tăng/giảm so với 2020
Dược phẩm	356.397 (gồm hàng ngoài)	421.757	18,34%
Capsule	230.401	28.,156	25,07%
Vikimco	82.541	92.830	12,47%
B2B, XNK	1.907	2.258	18,40%
Tổng	671.246	805.000	19,93%

➤ Các giải pháp thực hiện kế hoạch kinh doanh: (nội dung của năm rồi)

1. Dược phẩm:

Nghiên cứu đạt tương đương sinh học 5 sản phẩm. Định hướng nghiên cứu tương đương sinh học cho 5 sản phẩm mới.

OTC:

- Tập trung phát triển hệ thống bán hàng, đào tạo nâng cao nhân sự bán hàng, đào tạo chăm sóc khách hàng chu đáo, hiệu quả.
- Tập trung xây dựng nhóm hàng chiến lược, có doanh số lớn và lợi nhuận cao.
- Phối hợp Bộ phận Marketing giới thiệu các sản phẩm chiến lược.

ETC:

Tập trung vào những dòng sản phẩm khác biệt, sản phẩm ít đối thủ cạnh tranh, sản phẩm đạt chứng nhận về chất lượng thuốc. Đồng thời nỗ lực hợp tác với nhà phân phối, phối hợp với các chi nhánh tại mỗi khu vực tham gia đấu thầu hiệu quả.

B2B:

Tăng cường mở rộng các khách hàng tiềm năng, khai thác tối đa các sản phẩm được cấp số lưu hành.

Chuyển kênh phân phối cho các sản phẩm trùng lặp (cùng công thức, khác dạng bào chế, khác quy cách trình bày!)

2. Capsule:

- Triển khai dự án mở rộng Nhà máy sản xuất Capsule giai đoạn 4 với 4 dây chuyền sản xuất capsule có tính năng, công suất vượt trội (tăng 11% so với Capsule 3), do nhà sản xuất Technophar Canada cung cấp - thương hiệu uy tín, chất lượng đã đặt nền móng và làm nên thương hiệu Capsule của Dược Cửu Long hôm nay.
- Nhà máy đầu tư thêm thiết bị phân loại nang tự động nhằm mục đích nâng tỉ lệ tự động hóa khâu phân loại khuyết tật nang lên 85%; Đầu tư thêm thiết bị in Logo trên nang, đáp ứng nhu cầu in của khách hàng; Đầu tư thiết bị tiệt trùng tự động bằng khí EO gas, đáp ứng nhu cầu nang vô trùng, không chất bảo quản cho khách hàng.
- Thị trường xuất khẩu: Phối hợp cùng đối tác xuất khẩu tìm kiếm thêm thị trường xuất khẩu nang khu vực Asia: Lào, Myamar..

3. Dụng cụ y tế:

- Đầu tư xây dựng Nhà máy Vật tư y tế đạt tiêu chuẩn cao để xuất khẩu sang Châu Âu, Mỹ.
- Tăng cường sản xuất bơm tiêm 1cc, 3cc và 5cc dạng ép vi để phục vụ kế hoạch xuất khẩu.
- Nâng cao chất lượng và sản lượng bơm tiêm insulin lên gấp đôi phục vụ nhu cầu thị trường tiêm ngừa Covid-19. Tập trung thầu ở những bệnh viện, SYT lớn, trúng thầu sản phẩm chiến lược bơm Insulin
- Đầu tư mở rộng nâng công suất Nhà máy hiện tại để đáp ứng nhu cầu tiêm phòng vaccine năm 2021.

4. Kế hoạch đầu tư:

- Xây dựng nhà máy Vật tư y tế Benovas (khởi công tháng 3/2021, giai đoạn 1 dự kiến hoàn thành quý 2/2022)
- Dự án xây dựng Tổng kho 2 tại Vĩnh Long đáp ứng nhu cầu dự trữ nguyên liệu sản xuất, hàng thành phẩm.
- Dự án Trung tâm nghiên cứu phát triển sản phẩm và kiểm nghiệm nâng tầm nghiên cứu, phát triển nhiều sản phẩm mới đưa ra thị trường.

Ban Tổng Giám đốc kính trình Đại hội đồng cổ đông kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch kinh doanh 2021 như trên.

Kính trình Đại hội cổ đông xem xét và thông qua.

Chân thành cảm ơn. Trân trọng kính chào.

**TM.BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG GIÁM ĐỐC**

(Đã ký, đóng dấu)

Nguyễn Thị Minh Nguyệt

Vĩnh Long, ngày 31 tháng 03 năm 2021

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG
TRÌNH ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

Kính gửi : **Quý Cổ đông Công ty cổ phần Dược phẩm Cửu Long**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;
- Căn cứ Luật chứng khoán: 54/2019/QH14, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty;
- Quy chế hoạt động Ban Kiểm soát Công ty CP Dược phẩm Cửu Long.

Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Dược phẩm Cửu Long (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đã thực hiện kiểm soát đối với hoạt động của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020. Ban kiểm soát xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên về công tác hoạt động trong năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ năm 2021 với các nội dung sau:

**PHẦN I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT VÀ KẾT QUẢ KIỂM TRA
GIÁM SÁT NĂM 2020**

A. Số lượng và cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát:

Thành viên BKS CTCP Dược phẩm Cửu Long gồm có:

1. Ông **Đỗ Thế Cao** - Trưởng ban
2. Bà **Phan Thị Hòa** - Thành viên
3. Bà **Vũ Thị Minh Hoài** - Thành viên.

B. Hoạt động của Ban Kiểm soát:

- BKS tham dự toàn bộ các cuộc họp của HĐQT, các cuộc họp giao ban hàng tháng của công ty. BKS thực hiện giám sát công tác quản trị doanh nghiệp của HĐQT, ban điều hành đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật, điều lệ công ty và quy chế quản trị nội bộ của công ty. BKS giám sát việc triển khai thực hiện các nội dung đã được ĐHCĐ thông qua tại ĐHCĐ thường niên.
- BKS kiểm tra, giám sát tính hợp pháp, trung thực trong quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ sách kế toán, báo cáo tài chính tháng, quý, năm;

giám sát việc chấp hành các văn bản chính sách của nhà nước, quy trình quy chế và các quy định nội bộ của công ty; giám sát việc ban hành, sửa đổi, bổ sung quy trình, quy chế của công ty; giám sát hoạt động công bố thông tin kịp thời và đầy đủ theo quy định.

- BKS giám sát công tác quản lý sổ sách chứng từ liên quan đến cổ đông, đảm bảo các quyền lợi hợp pháp của cổ đông; đồng thời giám sát việc cổ đông được tham gia đóng góp ý kiến, chất vấn, yêu cầu cung cấp thông tin theo đúng quy định.
- Việc phối hợp giữa BKS với HĐQT, BGD được thực hiện hiệu quả. BKS đã được HĐQT và BGD tạo mọi điều kiện thuận lợi để hoàn thành nhiệm vụ. Các phòng ban trong công ty đã tích cực phối hợp, cung cấp đầy đủ tài liệu theo yêu cầu của BKS.
- Bên cạnh các hoạt động kiểm tra, giám sát, Ban kiểm soát còn thực hiện các công việc sau:
 - + Tham gia đóng góp ý kiến với HĐQT, Ban Tổng giám đốc trong công tác điều hành, thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu kinh doanh của công ty.
 - + Phân tích, đánh giá độc lập hoạt động kinh doanh của công ty; trên cơ sở đó đưa ra các ý kiến, khuyến nghị kịp thời, các biện pháp chấn chỉnh, khắc phục sai phạm, hạn chế rủi ro trong hoạt động kinh doanh.
 - + Phối hợp, chỉ đạo bộ phận kiểm soát nội bộ thực hiện kiểm tra, kiểm soát định kỳ và đột xuất các hoạt động nghiệp vụ tại công ty.
 - + Hỗ trợ và cho ý kiến chuẩn hóa hệ thống báo cáo quản trị nội bộ, hệ thống quy trình, quy chế của công ty.
 - + Tham gia giám sát, phản biện các dự án đầu tư của công ty.
 - + Đóng góp ý kiến xây dựng, hoàn thiện kế hoạch kinh doanh 2021 và các mục tiêu hoạt động khác của công ty.

C. Kết quả kiểm tra, giám sát:

Ban Kiểm soát báo cáo kết quả hoạt động kiểm soát cho Đại hội đồng Cổ đông với nội dung chi tiết như sau:

1. Giám sát công tác quản lý điều hành hoạt động kinh doanh, công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính, cụ thể:

- Đối với công tác quản lý điều hành hoạt động kinh doanh
 - Ban Kiểm Soát đã được cung cấp đầy đủ thông tin về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và Ban Điều Hành Công ty, trao đổi thường xuyên với HĐQT và Ban Điều Hành về tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh và các nghị quyết đã được Đại hội đồng Cổ đông 2020 thông qua.
 - Trên cơ sở đó, Ban Kiểm Soát đánh giá công tác quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của HĐQT và Ban Điều Hành đã tuân thủ đầy đủ quy định pháp lý liên quan

tới hoạt động SXKD cũng như phù hợp và tuân thủ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

- Hội đồng quản trị đã chủ động trong việc giám sát và điều hành kịp thời chiến lược kinh doanh cũng như đưa ra các quyết sách cụ thể trong hoạt động của Công ty.
- Ban Điều Hành đã bám sát các quyết sách này để triển khai các công việc cụ thể. HĐQT và Ban Điều Hành cùng với sự nỗ lực của toàn thể các cán bộ nhân viên của Công ty đã vượt qua các khó khăn chung của thị trường được, đạt được kết quả kinh doanh ấn tượng trong năm 2020 và tạo đà phát triển cho năm 2021.
- Ban Kiểm Soát không phát hiện có hiện tượng vi phạm pháp luật của HĐQT và Ban điều hành.
- Đối với công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính:
 - Công tác kế toán đã tuân thủ đầy đủ các quy định liên quan, đảm bảo nguyên tắc trung thực, thận trọng, hợp lý và báo cáo tài chính đã được lập trên cơ sở tuân thủ đầy đủ các quy định hiện hành.
 - Công tác kế toán kịp thời đã giúp HĐQT và Ban điều hành có những quyết sách, điều chỉnh phù hợp với hoạt động SXKD.
 - Ban Kiểm Soát không phát hiện có hiện tượng vi phạm trong công tác tài chính, kế toán trong kỳ.

2. Thực hiện thẩm định báo cáo tài chính 2020.

- BKS đã thẩm định báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính năm, bán niên và hàng quý của Công ty, báo cáo đánh giá công tác của HĐQT và Ban Điều hành cho đại hội cổ đông.
- Ban Kiểm Soát đánh giá các báo cáo đã đảm bảo tính tuân thủ cao đối với các quy định hiện hành về nội dung báo cáo và thời gian lập báo cáo.
- Ban Kiểm Soát thống nhất với số liệu trong báo cáo tài chính kiểm toán 2020.

3. Kiểm soát các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và Ban Điều Hành.

- Ban Kiểm Soát nhận thấy các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và Ban Điều Hành phù hợp với luật doanh nghiệp và điều lệ Công ty, cũng như đã bám sát các mục tiêu của Đại hội đồng Cổ đông 2020 đề ra.
- Ban Kiểm Soát không phát hiện hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm điều lệ Công ty của các thành viên HĐQT, Ban Điều Hành.
- Ban Kiểm Soát nhất trí với nội dung báo cáo KQKD năm 2020 của Ban Điều Hành.

4. Ý kiến Cổ đông.

- Tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền dự đại hội, Ban Kiểm Soát không nhận được ý kiến đóng góp, khiếu nại nào của cổ đông về các sai phạm của HĐQT, Ban Điều Hành, Ban Kiểm Soát trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao.

PHẦN II. NHẬN XÉT VÀ Ý KIẾN CỦA BAN KIỂM SOÁT.

1. Với tinh thần trách nhiệm xây dựng và hợp tác trong quá trình hoạt động, thực hiện nhiệm vụ được cổ đông công ty giao phó, Ban Kiểm Soát luôn phối hợp trao đổi và đóng góp ý kiến thẳng thắn, trung thực với HĐQT, Ban Điều hành trong quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như việc xây dựng và ban hành các quy chế, nghị quyết, quyết định.

2. Năm 2020, HĐQT và Ban Điều Hành đã phấn đấu vượt qua khó khăn chung của ngành và đặt được nền móng tăng trưởng cho các năm tiếp theo. Phát huy kết quả đạt được trong năm 2020, phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu 2021, đồng thời tăng cường tính công khai, minh bạch, Ban kiểm soát kiến nghị một số việc sau:

- Ban kiểm soát kiến nghị Công ty tiếp tục hoàn thiện cơ chế xây dựng hệ thống kiểm tra nội bộ, bổ sung các quy chế, quy trình cho các nghiệp vụ kinh doanh để đảm bảo các hoạt động hiệu quả và phù hợp với đà phát triển của Công ty.
- Kiến nghị Công ty tiếp tục củng cố, đào tạo, hoàn thiện bộ máy nhân sự có chuyên môn, trình độ cao để đáp ứng kịp thời với sự phát triển của Công ty.
- Kiến nghị HĐQT và Ban Điều Hành đẩy mạnh công tác quản trị rủi ro và tuân thủ các quy định pháp luật trong hoạt động kinh doanh.

PHẦN III. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG 2021 CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát tập trung vào các nhiệm vụ trọng tâm sau trong năm tài chính 2021:

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021.
- Kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ các hoạt động quản trị, điều hành và sản xuất của Công ty và các công ty thành viên thông qua hoạt động của Kiểm toán nội bộ, Kiểm toán độc lập và các hoạt động trực tiếp của Ban kiểm soát.
- Thực hiện giám sát kiểm toán nội bộ Công ty và các công ty thành viên một cách thường xuyên theo chế độ kiểm tra định kỳ và kiểm tra đột xuất.
- Kiểm soát tình hình góp vốn và tham gia quản lý góp vốn, hiệu quả vốn góp vào các công ty thành viên, các công ty liên kết của Công ty.
- Thực hiện thẩm định các báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động kinh doanh của công ty. Đánh giá hoạt động của HĐQT, Ban điều hành trình Đại hội cổ đông.
- Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Ban điều hành nếu xét thấy cần thiết hoặc theo đề nghị của cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

- Phối hợp với HĐQT, Ban điều hành trong công tác quản lý, điều hành công ty, đảm bảo sự tuân thủ của HĐQT và Ban điều hành đối với các Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Trên đây là báo cáo kết quả quá trình kiểm tra giám sát hoạt động Công ty năm 2020 và phương hướng hoạt động năm 2021 của Ban Kiểm soát. Ban Kiểm soát xin báo cáo trước Đại hội.

Chúc sức khoẻ Quý Đại biểu, Quý Cổ đông.

Kính chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

(Đã ký, đóng dấu)

ĐỖ THẾ CAO



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Vĩnh Long, ngày 30 tháng 03 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã kiểm toán

Kính trình : ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Dược phẩm Cửu Long (DCL),

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty cổ phần Dược phẩm Cửu Long, được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY.

Toàn bộ báo cáo được đăng tải trên website DCL: <https://dcl.com.vn>.

Kính trình Đại hội xem xét và thông qua.

Trân trọng cảm ơn.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

(Đã ký, đóng dấu)

Nguyễn Văn Sang



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Vĩnh Long, ngày 30 tháng 03 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 và Kế hoạch kinh doanh năm 2021

Kính trình : ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Dược phẩm Cửu Long;

- Căn cứ báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 đã kiểm toán;
- Căn cứ kết quả kinh doanh thực hiện năm 2020 và đánh giá tình hình kinh doanh năm 2021,

Hội đồng quản trị thống nhất trình Đại hội đồng cổ đông Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 và Kế hoạch kinh doanh năm 2021 như sau:

1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020

STT	Khoản mục	Số tiền
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	690.600.452.595 đồng
2	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	85.944.370.290 đồng
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	68.927.680.762 đồng
4	Cổ tức 2020	không chia

Lý do không chia cổ tức năm 2020: công ty đang trong giai đoạn đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh.

2. Kế hoạch kinh doanh năm 2021

STT	Khoản mục	Số tiền
1	Doanh thu thuần	805.000.000.000 đồng
2	Lợi nhuận gộp	301.457.000.000 đồng
3	Lợi nhuận trước thuế	110.009.000.000 đồng

Kính trình Đại hội xem xét và thông qua.

Trân trọng cảm ơn.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(Đã ký, đóng dấu)

Nguyễn Văn Sang



Vĩnh Long, ngày 30 tháng 03 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua phương án phát hành cổ phiếu
theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP)

Kính trình : ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Dược phẩm Cửu Long.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) của Công ty như sau:

1. Phương án phát hành:

- a) Mục đích phát hành: Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Công ty nhằm khuyến khích, ghi nhận đóng góp của người lao động cho Công ty.
- b) Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành: số tiền thu được từ việc phát hành sẽ được sử dụng để tăng vốn điều lệ, bổ sung vốn lưu động phục vụ cho nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- c) Loại cổ phiếu phát hành: Cổ phiếu phổ thông;
- d) Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu.
- e) Thời điểm phát hành dự kiến: Trong năm 2021. Thời điểm cụ thể do HĐQT Công ty lựa chọn;
- f) Phương thức phát hành: Phát hành trực tiếp cho người lao động của Công ty;
- g) Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 2.000.000 cổ phiếu;
- h) Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu;
- i) Đối tượng phát hành:
 - Là công đoàn cơ sở của Công ty;
 - Người lao động, thành viên ban lãnh đạo, ban điều hành, người quản lý của Công ty.

Chi tiết đối tượng phát hành và được quyền tham gia theo Quy chế phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động được phê duyệt tại mục 6 dưới đây.

- j) Hạn chế chuyển nhượng: Toàn bộ số lượng cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành.
- #### **2. Thông qua việc tăng vốn điều lệ của Công ty tương ứng với tổng mệnh giá số lượng cổ phiếu thực tế được phát hành.**

3. Thông qua việc sửa đổi Điều lệ về mức vốn điều lệ mới trên cơ sở tổng mệnh giá số lượng cổ phiếu thực tế được phát hành.

Thông qua việc giao và ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty sửa đổi nội dung liên quan đến vốn điều lệ và tổng số cổ phần của Công ty trong Điều lệ Công ty căn cứ trên thực tế triển khai kế hoạch phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động.

4. Thông qua việc đăng ký chứng khoán và đăng ký giao dịch bổ sung cho số lượng cổ phiếu thực tế được phát hành với Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam và Sở Giao dịch Chứng khoán.

5. Thông qua việc giao và ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty sửa đổi nội dung liên quan đến vốn điều lệ và tổng số cổ phần của Công ty trong Điều lệ Công ty căn cứ trên thực tế triển khai kế hoạch phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động.

6. Giao và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị, đồng thời cho phép Hội đồng Quản trị được ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Tổng Giám đốc:

- a) Ban hành quy chế phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động;
- b) Quyết định tổng số lượng cổ phiếu phát hành phù hợp phương án phát hành và quy định của pháp luật; tiêu chuẩn người lao động, danh sách người lao động được tham gia chương trình; số lượng cổ phiếu phát hành, giá phát hành cho từng người lao động và thời gian thực hiện;
- c) Thực hiện các thủ tục cần thiết để đăng ký tăng vốn điều lệ tại Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long, đăng ký lưu ký bổ sung số cổ phiếu thực tế phát hành tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch bổ sung số cổ phiếu thực tế phát hành được tại Sở Giao dịch Chứng khoán;
- d) Bổ sung hoặc sửa đổi phương án phát hành theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và/hoặc cho mục đích tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan; và
- e) Quyết định những vấn đề khác và thực hiện những công việc khác mà Hội đồng Quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Tổng Giám đốc thấy là cần thiết liên quan đến việc phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, cho ý kiến và thông qua.

Trân trọng cảm ơn.

**TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(Đã ký, đóng dấu)

Nguyễn Văn Sang

Vĩnh Long, ngày 30 tháng 03 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v: ủy quyền và giao cho Hội đồng quản trị phát hành tăng vốn điều lệ của Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long (“**Công Ty**”);
- Căn cứ yêu cầu vốn cho hoạt động đầu tư, kinh doanh của Công ty.

Hội đồng quản trị (“**HDQT**”) Công Ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 (“**ĐHĐCĐ**”) xem xét và thông qua việc ủy quyền và giao cho Hội đồng quản trị phát hành tăng vốn điều lệ, cụ thể như sau:

A. TỔNG MỨC VỐN ĐIỀU LỆ DỰ KIẾN PHÁT HÀNH:

1. Vốn điều lệ hiện tại: 568.328.240.000 đồng
2. Số cổ phiếu đang lưu hành: 56.832.824 cổ phiếu
3. Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán: 14.208.206 cổ phiếu
4. Hình thức phát hành: Chào bán riêng lẻ
5. Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá dự kiến: 142.082.060.000 đồng
6. Vốn điều lệ dự kiến sau chào bán: 710.410.300.000 đồng
7. Số cổ phiếu lưu hành dự kiến sau chào bán riêng lẻ: 71.041.030 cổ phiếu
8. Mục đích sử dụng vốn: Bổ sung nguồn vốn lưu động và tăng vốn cho các công ty thành viên

B. CHÀO BÁN RIÊNG LẺ

HDQT kính trình ĐHCĐ thông qua phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ, cụ thể như sau:

I. THÔNG TIN VỀ ĐỢT PHÁT HÀNH

1. Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long
2. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
3. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu

4. Vốn điều lệ hiện tại: 568.328.240.000 đồng
5. Số cổ phiếu đang lưu hành: 56.832.824 cổ phiếu
6. Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán: 14.208.206 cổ phiếu
7. Giá chào bán: Không thấp hơn 25.000 đồng/cổ phiếu. Trình Đại hội đồng cổ đông uỷ quyền cho Hội đồng quản trị xác định giá bán để đảm bảo đợt phát hành thành công và tối ưu hoá lợi ích cho Công ty.
8. Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá dự kiến: 142.082.060.000 đồng
9. Vốn điều lệ dự kiến sau chào bán riêng lẻ: 710.410.300.000 đồng
10. Số cổ phiếu lưu hành dự kiến sau chào bán riêng lẻ: 71.041.030 cổ phiếu
11. Phương thức chào bán: Chào bán riêng lẻ
12. Đối tượng chào bán: Các nhà đầu tư tổ chức/ cá nhân đáp ứng đủ điều kiện về chào bán riêng lẻ theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn, có nhu cầu đầu tư cổ phiếu DCL.
13. Hạn chế chuyển nhượng: Cổ phiếu phát hành riêng lẻ bị hạn chế 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán, trừ trường hợp chuyển nhượng giữa các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp hoặc thực hiện theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, quyết định của Trọng tài hoặc thừa kế theo quy định của pháp luật.
14. Phương án xử lý cổ phiếu không bán hết: Đối với cổ phiếu không phát hành hết, trình ĐHĐCĐ uỷ quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn nhà đầu tư khác, hoặc giảm tương ứng kế hoạch phát hành cổ phiếu riêng lẻ.
15. Tỷ lệ chào bán thành công: Không giới hạn
16. Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán: Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được sử dụng để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh của Công Ty, tăng vốn cho các công ty thành viên.

Do yếu tố hoạt động kinh doanh các công ty thành viên cần đáp ứng tiến độ đầu tư, nên Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông uỷ quyền cho Hội đồng quản trị được chủ động trong phân bổ vốn thu được cho các hoạt động kinh doanh, bao gồm như không giới hạn ở: bổ sung vốn lưu động; trả nợ vay, đầu tư vốn cho công ty thành viên.

Việc phân bổ vốn chi tiết sẽ được công bố thông tin định kỳ và báo cáo cổ đông tại cuộc họp ĐHĐCĐ gần nhất.
17. Thời gian thực hiện dự kiến: Sau khi ĐHĐCĐ phê duyệt Phương án chào bán và được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán, dự kiến

trong năm 2021. Hội đồng quản trị trình ĐHĐCĐ ủy quyền chọn thời điểm phù hợp để đợt phát hành được thành công.

II. NGUYÊN TẮC XÁC ĐỊNH GIÁ CHÀO BÁN

1. Giá trị sổ sách

- a. Giá trị sổ sách tại ngày 31/12/2019 là: 15.562 đồng/cổ phiếu;
- b. Giá trị sổ sách tại ngày 31/12/2020 là: 16.029 đồng/cổ phiếu.

2. Giá thị trường

Giá trị trường trung bình 05 phiên gần nhất (trước ngày 30/3/2021) là: 28.300 đồng/cổ phiếu.

3. Pha loãng cổ phiếu sau khi chào bán:

Do đây là đợt chào bán riêng lẻ nên giá cổ phiếu DCL sẽ không bị điều chỉnh kỹ thuật do pha loãng cổ phiếu như trường hợp chào bán cho toàn bộ cổ đông hiện hữu. Tuy nhiên, lượng cổ phiếu này khi được lưu hành sẽ tạo áp lực lên cung cổ phiếu và có khả năng làm giảm giá cổ phiếu, đồng thời cổ phiếu DCL sẽ bị pha loãng thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phần (EPS) như sau:

Công thức tính:

$$\text{EPS} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ}}$$

C. PHÊ DUYỆT CÁC CÔNG VIỆC LIÊN QUAN ĐẾN CHÀO BÁN CỔ PHIẾU

HĐQT kính trình ĐHĐCĐ thông qua các nội dung liên quan đến tăng vốn điều lệ như sau:

1. Phê duyệt tăng vốn điều lệ

Phê duyệt tăng vốn điều lệ của Công Ty tương ứng với mệnh giá và tổng số lượng cổ phiếu thực tế đã chào bán theo phương án nêu tại Mục B của Tờ trình này.

2. Sửa đổi Điều lệ Công Ty

Phê duyệt việc sửa đổi nội dung liên quan đến vốn điều lệ và tổng số cổ phần của Công Ty trong Điều lệ Công Ty căn cứ trên thực tế triển khai kế hoạch chào bán theo phương án nêu tại Mục B của Tờ trình này.

D. ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT VÀ LƯU KÝ BỔ SUNG SỐ CỔ PHIẾU PHÁT HÀNH THÊM

HĐQT kính trình ĐHĐCĐ thông qua việc niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và đăng ký lưu ký bổ sung tại Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) toàn bộ số lượng cổ phiếu thực tế đã phát hành thêm theo phương án nêu tại Mục B của Tờ trình này.

E. ỦY QUYỀN CHO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HĐQT kính trình ĐHĐCĐ thông qua việc ủy quyền cho HĐQT các vấn đề sau:

1. Lựa chọn nhà đầu tư, đơn vị tư vấn, thời điểm chào bán phù hợp, sau khi có giấy chứng nhận chào bán của UBCKNN; thực hiện các thủ tục phát hành theo đúng các quy định pháp luật;
2. Quyết định bổ sung, hoàn chỉnh và quy chi tiết nội dung phương án chào bán và/hoặc sửa đổi bổ sung phương án chào bán khi cần thiết để đảm bảo đợt chào bán được thành công;
3. Xây dựng và điều chỉnh kế hoạch sử dụng vốn nhằm đáp ứng nhu cầu kinh doanh thực tế của Công ty, đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn và lợi ích của các cổ đông;
4. Xử lý số cổ phiếu dôi dư trong trường hợp Công Ty không bán hết số cổ phiếu riêng lẻ. Thực hiện phân phối số cổ phiếu đó cho nhà đầu tư khác có nhu cầu, đảm bảo phân phối theo cách

thức hợp lý;

5. Tùy từng trường hợp cụ thể, HĐQT được ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT quyết định những vấn đề khác và thực hiện những công việc khác mà HĐQT hoặc Chủ tịch HĐQT thấy là cần thiết liên quan đến việc phát hành cổ phiếu mới;
6. Thực hiện các thủ tục Kiểm toán vốn, sửa đổi Điều lệ tương ứng với số vốn điều lệ mới tăng thêm;
7. Thực hiện các thủ tục, bao gồm nhưng không giới hạn ở: lưu ký bổ sung bổ sung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) và đăng ký niêm yết bổ sung trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) đối với số cổ phần phát hành thêm; thủ tục thay đổi đăng ký kinh doanh và các thủ tục pháp lý khác cho các đợt phát hành.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét, cho ý kiến và thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: HĐQT, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Sang



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Vĩnh Long, ngày 30 tháng 03 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v: thông qua việc trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi

Kính trình : ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Dược phẩm Cửu Long (DCL);
- Căn cứ Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 đã kiểm toán của DCL,

Hội đồng Quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi như sau:

TT	Chỉ tiêu	Số tiền
1	Lợi nhuận sau thuế 2020:	68.927.680.762 đồng
2	Trích lập:	
	Quỹ khen thưởng phúc lợi	2.000.000.000 đồng
3	Lợi nhuận sau thuế giữ lại:	66.927.680.762 đồng

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, cho ý kiến và thông qua.
Trân trọng cảm ơn.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

(Đã ký, đóng dấu)

Nguyễn Văn Sang



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Vĩnh Long, ngày 30 tháng 03 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v: thông qua việc giao và ủy quyền cho HĐQT quyết định các hợp đồng, giao dịch phát sinh doanh thu và/hoặc chi phí với những bên có liên quan và một số nội dung khác thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ;

Kính trình : ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;
- Căn cứ Luật chứng khoán: 54/2019/QH14, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Dược phẩm Cửu Long (Công ty),

Để đảm bảo sự linh hoạt trong quản trị, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Hội đồng quản trị đề xuất Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung sau:

I. Thông qua các giao dịch giữa công ty với những bên có liên quan

1. Thông qua chủ trương về việc Công ty được ký kết và thực hiện các hợp đồng, giao dịch có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất với các đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp 2020 và/hoặc các giao dịch quy định tại Khoản 4, 5 Điều 293 Nghị định 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Chứng khoán.
2. Thông qua chủ trương về việc Công ty ký kết và thực hiện các hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.
3. Thông qua chủ trương về việc Công ty ký kết và thực hiện các các hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của công ty.
4. Thông qua chủ trương về việc Công ty cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh hoặc thực hiện các giao dịch khác và ký kết các hợp đồng, hồ sơ liên quan đến việc cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh hoặc các giao dịch khác với công ty con, công ty liên kết và các đơn vị thành viên khác của Công ty.
5. Giao và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định các điều khoản và điều kiện cụ thể, ký kết và triển khai thực hiện những giao dịch nêu tại Khoản 1, 2, 3 và 4 Mục này theo nguyên tắc đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty; tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định tại Điều lệ, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các quy định pháp luật hiện hành. Thời hạn ủy quyền: kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho đến khi Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 có quyết định khác.
6. Danh sách các tổ chức có liên quan của Công ty, bao gồm nhưng không giới hạn trong các đơn vị sau:

STT	TÊN CÔNG TY	MỐI QUAN HỆ
1	Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T	Công ty mẹ
2	Công ty TNHH 1 thành viên Dược phẩm VPC -Sài Gòn	Công ty con
3	Công ty Cổ phần Thuốc ung thư Benovas	Công ty con
4	Công ty Cổ phần Dược phẩm Benovas	Công ty con
5	Công ty Cổ phần Thiết bị y tế Benovas	Công ty con
6	Công ty Cổ phần nước khoáng Khánh Hòa – FIT Beverage	Công ty có liên quan với thành viên HĐQT
7	Công ty Cổ phần FIT Cosmetics	Công ty có liên quan với thành viên HĐQT
8	Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Hoa Sen	Công ty có liên quan với thành viên BKS

II. Thông qua việc giao và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị xem xét quyết định các giao dịch có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên

Thông qua việc giao và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định các giao dịch thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, bao gồm nhưng không giới hạn trong các giao dịch đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty. Thời hạn ủy quyền: kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho đến khi Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 có quyết định khác.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, cho ý kiến và thông qua.
Trân trọng cảm ơn.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(Đã ký, đóng dấu)

Nguyễn Văn Sang



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Vĩnh Long, ngày 30 tháng 03 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v: thông qua việc thực hiện chi thù lao HĐQT, BKS năm 2020 và đề xuất chi thù lao HĐQT, BKS năm 2021

Kính trình : ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Dược phẩm Cửu Long;
- Căn cứ kế hoạch chi thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2020 đã được Đại hội cổ đông thông qua;
- Căn cứ kế hoạch kinh doanh năm 2021,

Hội đồng quản trị xin báo cáo quý cổ đông việc thực hiện chi thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2020 và đề xuất chi thù lao năm 2021 như sau:

1. Chi thù lao năm 2020 :

▪ **Hội đồng quản trị:**

- Số lượng: 05 thành viên.
- Mức chi trả : Chủ tịch: 5.000.000 đồng/tháng, thành viên: 4.000.000 đồng/tháng
- Thù lao được thanh toán hàng quý.
- Tổng chi trả : 252.000.000 đồng.

▪ **Ban kiểm soát :**

- Số lượng: 03 thành viên
- Mức chi trả : Trưởng ban: 3.000.000 đồng/tháng, thành viên: 2.000.000 đồng/tháng
- Thù lao được thanh toán hàng quý.
- Tổng chi trả : 84.000.000 đồng.

2. Đề xuất chi thù lao năm 2021: giữ nguyên như năm 2020 cụ thể như sau:

▪ **Hội đồng quản trị:**

- Số lượng: 05 thành viên.
- Mức chi trả : Chủ tịch: 5.000.000 đồng/tháng, thành viên: 4.000.000 đồng/tháng
- Thù lao được thanh toán hàng quý.
- Tổng chi trả : 252.000.000 đồng.

▪ **Ban kiểm soát :**

- Số lượng: 03 thành viên.
- Mức chi trả : Trưởng ban: 3.000.000 đồng/tháng, thành viên: 2.000.000 đồng/tháng
- Thù lao được thanh toán hàng quý.
- Tổng chi trả : 84.000.000 đồng.

Kính trình Đại hội xem xét và thông qua.

Trân trọng cảm ơn.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

(Đã ký, đóng dấu)

Nguyễn Văn Sang



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Vĩnh Long, ngày 30 tháng 03 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v: thông qua việc chọn đơn vị kiểm toán năm 2021

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Dược phẩm Cửu Long;

Để thực hiện việc kiểm toán độc lập tại công ty, Ban Kiểm soát kính trình Đại hội cổ đông thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 và báo cáo soát xét bán niên cho Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long là công ty kiểm toán độc lập có trong danh sách các công ty kiểm toán được chấp thuận kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước công bố.

Kính trình Đại hội xem xét và thông qua.

Trân trọng cảm ơn.

TM BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

(Đã ký, đóng dấu)

Đỗ Thế Cao



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Vĩnh Long, ngày 30 tháng 03 năm 2021

TỜ TRÌNH

**Về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ; thông qua Quy chế nội bộ về quản trị công ty,
Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế hoạt động của BKS**

Kính trình : ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;
- Căn cứ Luật chứng khoán: 54/2019/QH14, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC hướng dẫn một số điều về quản trị áp dụng với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, có hiệu lực từ ngày 15/02/2021;
- Căn cứ Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty cổ phần Dược phẩm Cửu Long,

Xuất phát từ các quy định thay đổi của Luật, Nghị định và Thông tư như trên, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ và ban hành các Quy chế cho phù hợp với các quy định, cụ thể như sau:

1. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty cổ phần Dược phẩm Cửu Long
Thông qua việc giao cho Người đại diện theo pháp luật của công ty ký, ban hành Điều lệ mới sau khi được sửa đổi, bổ sung (*Chi tiết Phụ lục một số điểm sửa đổi bổ sung chính và Dự thảo Điều lệ sau khi sửa đổi, bổ sung được đính kèm theo Tờ trình này*);
2. Thông qua việc ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty thay thế cho Quy chế nội bộ về quản trị công ty hiện hành (*Chi tiết Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị công ty đính kèm theo Tờ trình này*);
Thông qua việc giao cho Chủ tịch Hội đồng quản trị ký, ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty.
3. Thông qua việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị (*Chi tiết Dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị đính kèm theo Tờ trình này*);
Thông qua việc giao cho Chủ tịch Hội đồng quản trị ký, ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.
4. Thông qua việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát (*Chi tiết Dự thảo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát đính kèm theo Tờ trình này*),
Thông qua việc giao cho Trưởng Ban kiểm soát ký, ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

Dự thảo Điều lệ và các Quy chế được đăng tải từ ngày 31/03/2021 trên website Công ty: <https://dcl.com.vn> - mục thông tin cổ đông - tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, cho ý kiến và thông qua.

Trân trọng cảm ơn.

**TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(Đã ký, đóng dấu)

Nguyễn Văn Sang

PHỤ LỤC
CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI BỔ SUNG CHÍNH TRONG ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

(Đính kèm theo “Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ; thông qua Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế hoạt động của BKS” ngày 30/3/2021 của Hội đồng quản trị Công ty)

STT	ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	NỘI DUNG TẠI ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ SAU KHI SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
1	Khoản 3 Điều 12 Điều lệ Công ty	<p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền sau:</p> <p>a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều 25 và Điều 36 Điều lệ này;</p> <p>b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật doanh nghiệp;</p> <p>c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra.</p>	<p>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:</p> <p>a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b. Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;</p> <p>c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p> <p>d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 10 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;</p> <p>e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ</p>	Điều 115 Luật doanh nghiệp 2020

STT	ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	NỘI DUNG TẠI ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ SAU KHI SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
			<p>phân phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:</p> <p>a. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.</p>	
2	Khoản 1 Điều 14 Điều lệ Công ty	Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	<p>Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p> <p>Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.</p>	Điều 139 Luật doanh nghiệp 2020
3	Khoản 2 Điều 18 Điều lệ Công ty	Chưa có	<p>a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;</p>	Điều 141 Luật doanh nghiệp 2020
4	Khoản 3 Điều 18 Điều lệ Công ty	3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch). Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong	3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại	Điều 143 Luật doanh nghiệp 2020

STT	ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	NỘI DUNG TẠI ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ SAU KHI SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
		Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười lăm (15) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm: [...]	hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm: [...]	
5	Khoản 4 Điều 18 Điều lệ Công ty	4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp	4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 10 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp	Điều 142 Luật doanh nghiệp 2020
6	Điều 19 Điều lệ Công ty	1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. 2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. 3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.	1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết. 2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 45 ngày , kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên. 3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.	Điều 145 Luật doanh nghiệp 2020
7	Khoản 2 Điều 21 Điều lệ Công ty	2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên [51%] tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.	2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên [50%] tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.	Điều 148 Luật doanh nghiệp 2020
8	Khoản 1 Điều 22 Điều lệ	1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn	Điều 148 Luật doanh

STT	ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	NỘI DUNG TẠI ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ SAU KHI SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	Công ty	đề thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.	bản đề thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về tất cả các vấn đề khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, bao gồm nhưng không giới hạn trong các trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản đề thông qua các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.	nghiệp 2020
9	Khoản 2 Điều 25 Điều lệ Công ty	2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền góp số quyền biểu quyết đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.	2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị. Các cổ đông có quyền góp số quyền biểu quyết đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử không hạn chế số lượng ứng viên.	Khoản 5 Điều 115 Luật doanh nghiệp 2020
10	Khoản 2 Điều 27 Điều lệ Công ty	2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau: a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty; b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua; c. Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, người điều hành khác và quyết định mức lương của họ; d. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người điều hành khác; e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó; f. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác; g. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty; h. Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông; i. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;	2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau: a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty; b. Kiên nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác; d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty; e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp; f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật; g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp; i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị;	Khoản 2 Điều 153 Luật doanh nghiệp 2020

STT	ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	NỘI DUNG TẠI ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ SAU KHI SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
		<p>j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức;</p> <p>k. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;</p> <p>l. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;</p> <p>m. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong tất cả các đợt chào bán cổ phiếu, trái phiếu của Công ty;</p> <p>n. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>o. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc;</p> <p>p. Các quyền và nghĩa vụ khác không thuộc Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ này.</p>	<p>bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;</p> <p>j. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;</p> <p>k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;</p> <p>l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;</p> <p>m. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;</p> <p>o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;</p> <p>p. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;</p> <p>q. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty;</p> <p>r. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.</p>	
11	Khoản 3 Điều 37 Điều lệ Công ty	Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty.	Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp	Điều 168 Luật doanh nghiệp 2020
12	Điều 40 Điều lệ Công ty	Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền	Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về	Điều 167 Luật doanh

STT	ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	NỘI DUNG TẠI ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ SAU KHI SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
		<p>lợi</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.</p> <p>4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.</p> <p>5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành</p>	<p>viên lợi</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p> <p>5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p> <p>6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu</p>	<p>ngành 2020 và Điều 293 Nghị định 155/2020/NĐ-CP</p>

STT	ĐIỀU KHOẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	NỘI DUNG TẠI ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ SAU KHI SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
		<p>viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;</p> <p>b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;</p> <p>c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p>	<p>tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;</p> <p>b. Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.</p>	
13	Khoản 1 Điều 55 Điều lệ Công ty	<p>Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ</p> <p>1. Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.</p>	<p>Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ</p> <p>1. Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 60 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.</p>	Điều lệ mẫu quy định tại Thông tư 116/2020/TT-BTC
14		Các nội dung, hình thức, từ ngữ, diễn đạt của Điều lệ chưa phù hợp với quy định tại Luật doanh nghiệp 2020, Luật chứng khoán 2019 và tình hình thực tiễn của Công ty	Các nội dung sửa đổi, bổ sung khác về hình thức và nội dung Điều lệ để phù hợp với quy định mới của pháp luật và tình hình thực tiễn của Công ty (<i>Chi tiết trong Dự thảo Điều lệ</i>)	Luật doanh nghiệp 2020, Luật chứng khoán 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG



Tháng 4 năm 2021

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. PHẦN MỞ ĐẦU	4
CHƯƠNG II. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	4
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	4
CHƯƠNG III. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	4
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty.....	4
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty.....	5
CHƯƠNG IV. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	5
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty.....	5
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty.....	6
CHƯƠNG V. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	6
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập.....	6
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu.....	7
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác.....	7
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần.....	7
Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp).....	7
CHƯƠNG VI. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	8
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.....	8
CHƯƠNG VII. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	8
Điều 12. Quyền của cổ đông.....	8
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông.....	9
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông.....	10
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	11
Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	12
Điều 17. Thay đổi các quyền.....	13
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.....	13
Điều 19. Các điều kiện tiên hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	14
Điều 20. Thể thức tiên hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....	14
Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua.....	16
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	16
Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	18
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	18
CHƯƠNG VIII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	19
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	19

Điều 26.	Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	19
Điều 27.	Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	20
Điều 28.	Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	21
Điều 29.	Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	21
Điều 30.	Cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	22
Điều 31.	Các tiêu ban thuộc Hội đồng quản trị.....	23
Điều 32.	Người phụ trách quản trị công ty.....	23
CHƯƠNG IX. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....		24
Điều 33.	Tổ chức bộ máy quản lý.....	24
Điều 34.	Người điều hành Công ty.....	24
Điều 35.	Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc.....	24
CHƯƠNG X. BAN KIỂM SOÁT.....		25
Điều 36.	Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên).....	25
Điều 37.	Thành phần Ban Kiểm soát.....	25
Điều 38.	Trưởng Ban kiểm soát.....	25
Điều 39.	Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.....	26
Điều 40.	Cuộc họp của Ban kiểm soát.....	26
Điều 41.	Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát.....	26
CHƯƠNG XI. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....		27
Điều 42.	Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	27
Điều 43.	Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	28
CHƯƠNG XII. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....		28
Điều 44.	Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ.....	28
CHƯƠNG XIII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....		28
Điều 45.	Công nhân viên và công đoàn.....	28
CHƯƠNG XIV. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....		29
Điều 46.	Phân phối lợi nhuận.....	29
CHƯƠNG XV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN.....		29
Điều 47.	Tài khoản ngân hàng.....	29
Điều 48.	Năm tài chính.....	29
Điều 49.	Chế độ kế toán.....	29
CHƯƠNG XVI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.....		30
Điều 50.	Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý.....	30
Điều 51.	Báo cáo thường niên.....	30
CHƯƠNG XVII. KIỂM TOÁN CÔNG TY.....		30
Điều 52.	Kiểm toán.....	30

CHƯƠNG XVIII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP.....	30
Điều 53. Dấu của doanh nghiệp.....	30
CHƯƠNG XIX. GIẢI THỂ CÔNG TY	30
Điều 54. Giải thể công ty	30
Điều 55. Gia hạn hoạt động	31
Điều 56. Thanh lý	31
CHƯƠNG XX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	31
Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	31
CHƯƠNG XXI. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	32
Điều 58. Điều lệ công ty	32
CHƯƠNG XXII. NGÀY HIỆU LỰC.....	32
Điều 59. Ngày hiệu lực.....	32

CHƯƠNG I. PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-DHĐCĐ ngày 23 tháng 04 năm 2021.

CHƯƠNG II. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
 - b. *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
 - d. *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
 - e. *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
 - f. *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
 - g. *Người điều hành doanh nghiệp* là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;
 - h. *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - i. *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - j. *Cổ đông sáng lập* là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;
 - k. *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - l. *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;
 - m. *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.
3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

CHƯƠNG III. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty
 - Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG**
 - Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: **CUU LONG PHARMACEUTICAL JOINT STOCK COMPANY**

- Tên Công ty viết tắt: VPC
- 2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
- 3. Trụ sở đăng ký của Công ty:
 - Địa chỉ trụ sở chính: số 150 Đường 14 tháng 9, Phường 5, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam.
 - Điện thoại: 02703 822533
 - Website: <https://dcl.com.vn>
- 4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
- 5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 59 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 60 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Công ty có 02 người đại diện theo pháp luật, bao gồm:
 - a) Chủ tịch Hội đồng quản trị,
 - b) Tổng Giám đốc.
2. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật tuân theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Điều lệ này và do Hội đồng quản trị phân công cụ thể giữa Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc, được thể hiện qua Quy chế làm việc của Công ty.

CHƯƠNG IV. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:

STT	Mã ngành, nghề	Tên ngành, nghề kinh doanh
1	2100 (Chính)	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu (Sản xuất dược phẩm, dược liệu, hóa chất, nguyên phụ liệu và các loại dược phẩm bào chế khác)
2	2029	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu (Sản xuất hóa chất)
3	6209	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính (Thực hiện các dịch vụ về công nghệ thông tin)
4	4632	Bán buôn thực phẩm (Kinh doanh thực phẩm dinh dưỡng)
5	4669	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Kinh doanh hóa chất)
6	4772	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh (Kinh doanh: Dược phẩm, capsule các loại, dụng cụ, trang thiết bị y tế cho ngành dược, ngành y tế, mỹ phẩm, dược liệu, nguyên phụ liệu và các loại dược phẩm bào chế khác)
7	4722	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (Kinh doanh thực phẩm dinh dưỡng)
8	1623	Sản xuất bao bì bằng gỗ (Sản xuất các loại bao bì dùng trong ngành dược)

9	2220	Sản xuất sản phẩm từ plastic (Sản xuất các loại bao bì dùng trong ngành dược)
10	4773	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Kinh doanh hóa chất)
11	2620	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính (Lắp ráp máy vi tính)
12	5820	Xuất bản phần mềm (Sản xuất phần mềm)
13	4651	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm (Kinh doanh các dịch vụ về công nghệ thông tin)
14	4649	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Kinh doanh: Dược phẩm, capsule các loại, dụng cụ, trang thiết bị y tế cho ngành dược, ngành y tế, mỹ phẩm, dược liệu, nguyên phụ liệu và các loại dược phẩm bào chế khác)
15	1079	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu (Sản xuất thực phẩm dinh dưỡng)
16	2023	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh (Sản xuất mỹ phẩm)
17	1702	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa (Sản xuất các loại bao bì dùng trong ngành dược)
18	0128	Trồng cây gia vị, cây dược liệu (Nuôi trồng các loại dược liệu làm thuốc)
19	3250	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng (Sản xuất: dụng cụ, trang thiết bị y tế cho ngành dược, ngành y tế)
20	4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (Kinh doanh vận tải hàng hóa thông thường)

- Mục tiêu hoạt động của Công ty: là thành lập để huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc phát triển sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực Dược phẩm, đồng thời nâng cao hiệu quả, tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, tăng cổ tức cho các cổ đông, đóng góp cho ngân sách nhà nước và không ngừng phát triển Công ty.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia. Đối với ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan.

CHƯƠNG V. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

- Vốn điều lệ của Công ty là: 568.328.240.000 đồng (*Năm trăm sáu mươi tám tỷ, ba trăm hai mươi tám triệu, hai trăm bốn mươi ngàn đồng*).
- Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 56.832.824 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần
- Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
- Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.
- Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
- Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng

với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.
8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn 30 kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty và trong thời hạn 60 kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:
 - a. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
 - b. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp)

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới tối thiểu là 07 ngày kể từ ngày gửi thông báo, địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.
6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG VI. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (trường hợp công ty tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình điểm a khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp).
3. Tổng giám đốc.

CHƯƠNG VII. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
 - a. Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
 - d. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
 - e. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
 - f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - g. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;
 - h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;
 - i. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
 - j. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
 - k. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

1. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:
 - a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
 - b. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
 - c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
 - d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 10 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;
 - e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:
 - a. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân

khác.

6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - e. Gửi phiếu biểu quyết thông qua hình thức họp trực tuyến theo quy định trong Điều lệ này và các Quy chế khác của Công ty.
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.
8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập họp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
 - d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
 - e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

- a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;
- b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
- c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;
- d. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một tỷ lệ hoặc một giá trị khác;
- e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- k. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
- c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
- e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;

- f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - g. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - i. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - j. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
 - k. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
 - l. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
 - m. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - n. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - o. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;
 - p. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - q. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
 - r. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
 - s. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
 - t. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.
2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).
3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:
 - a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

- b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.
3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.
4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
 - c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
 - d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
 - e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
 - f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
 - g. Các công việc khác phục vụ đại hội.
3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức

để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - c. Phiếu biểu quyết;
 - d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
- 4.** Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 10 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
- 5.** Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
 - b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;
 - c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
- 6.** Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

- 1.** Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
- 2.** Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
- 3.** Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 20. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

- 1.** Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

- a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;
 - b. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
- 2.** Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:
- a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
 - d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.
- 3.** Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
- 4.** Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
- a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
 - c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
- 5.** Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.
- 6.** Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
- 7.** Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:
- a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

- b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
- 8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
 - a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
- 9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
- 10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

- 1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp :
 - a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
 - d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;
 - e. Tổ chức lại, giải thể Công ty.
- 2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp .
- 3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

- 1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về tất cả các vấn đề khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, bao gồm nhưng không giới hạn trong các trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;
 - c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:
 - a. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
 - c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - e. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.
 - g. Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành hoặc có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong

các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

CHƯƠNG VIII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:
 - a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ chuyên môn;
 - c. Quá trình công tác;
 - d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - g. Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị. Các cổ đông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng cử viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử không hạn chế số lượng ứng viên.
3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.
4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị của Công ty ít nhất là 03 người và nhiều nhất là 11 người.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.
5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
 - f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
 - i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
 - j. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
 - k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
 - m. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
 - n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh

trong quá trình kinh doanh;

- o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
 - p. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;
 - q. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty;
 - r. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

- 1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
- 2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
- 3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
- 4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
- 5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

- 1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
- 2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.
- 3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và các Quy chế nội bộ

liên quan của công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - b. Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Chủ tịch Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết, vì lợi ích Công ty.
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội

đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - e. Gửi phiếu biểu quyết thông qua hình thức họp trực tuyến theo quy định trong Điều lệ này và các Quy chế khác của Công ty.
10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.
2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
 - b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
 - c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d. Tham dự các cuộc họp;
 - e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

- g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

CHƯƠNG IX. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.
2. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
3. Tổng Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.
2. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
4. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
 - d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - f. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;

- g. Tuyển dụng lao động;
 - h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.

CHƯƠNG X. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát ít nhất là 03 người và nhiều nhất là 05 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:
 - a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.
3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c. Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này.
4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - d. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:
 - a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
 - b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
 - c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.
4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.
5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.
10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định

của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

CHƯƠNG XI. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.
6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:
 - a. Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;
 - b. Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.
3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XII. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
 - a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.
2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.
5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

CHƯƠNG XIII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 45. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIV. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 46. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 47. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 48. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của năm đó.

Điều 49. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm

đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

CHƯƠNG XVI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 51. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XVII. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 52. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.
2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

CHƯƠNG XVIII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 53. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).
3. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIX. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 54. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a. Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;
 - b. Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy

định khác;

- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc theo quy định).

Điều 55. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 7 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 56. Thanh lý

1. Tối thiểu 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;
 - b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - c. Nợ thuế;
 - d. Các khoản nợ khác của Công ty;
 - e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (đến (trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:
 - a. Cổ đông với Công ty;
 - b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 60 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.
3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

CHƯƠNG XXI. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 58. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XXII. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 59. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 22 Chương, 59 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Dược phẩm Cửu Long nhất trí thông qua ngày 23 tháng 04 năm 2021 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ được lập thành 03 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Tổng Giám đốc hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Nguyễn Văn Sang

DỰ THẢO

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;
- Căn cứ Luật chứng khoán: 54/2019/QH14, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Dược phẩm Cửu Long;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 Công ty cổ phần Dược phẩm Cửu Long, số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 04 năm 2021,

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Dược phẩm Cửu Long

Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần Dược phẩm Cửu Long bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người liên quan.

CHƯƠNG II. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 2. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông có vai trò, quyền và nghĩa vụ như sau:

1. Thông qua định hướng phát triển của công ty;
2. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
3. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
4. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một tỷ lệ hoặc một giá trị khác;
5. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;

6. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
7. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
8. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên gây thiệt hại cho công ty và cổ đông công ty;
9. Quyết định tổ chức lại, giải thể công ty;
10. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
11. Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
12. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;
13. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
14. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

Điều 3. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:
 - 1.1. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;
 - 1.2. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - 1.3. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật doanh nghiệp 2020;
 - 1.4. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
 - 1.5. Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
2. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày xảy ra trường hợp quy định tại điểm 1.2 khoản 1 Điều này hoặc nhận được yêu cầu triệu tập họp quy định tại điểm 1.3 và 1.4 khoản 1 Điều này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.
3. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp 2020. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.
4. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật doanh nghiệp 2020 có quyền đại diện công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp

Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 5. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ được thực hiện

theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật chứng khoán áp dụng cho các công ty niêm yết.

Điều 6. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.
2. Thông báo mời họp được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông và đăng trên trang thông tin điện tử của công ty; trường hợp công ty xét thấy cần thiết thì đăng báo hằng ngày của trung ương hoặc địa phương theo quy định của Điều lệ công ty.
3. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:
 - 3.1. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;
 - 3.2. Phiếu biểu quyết.
4. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi tài liệu họp kèm theo thông báo mời họp quy định tại Khoản 3 Điều này có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu.

Điều 7. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - 1.1. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
 - 1.2. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
 - 1.3. Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
 - 1.4. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
 - 1.5. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
 - 1.6. Xác định thời gian và địa điểm họp;
 - 1.7. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật doanh nghiệp 2020;
 - 1.8. Công việc khác phục vụ cuộc họp.
2. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ do công ty chịu trách nhiệm thanh toán.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật doanh nghiệp 2020 có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến công ty chậm nhất là 10 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

Điều 8. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông

Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

Điều 9. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
2. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại Điều 8 Quy chế này.
3. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:
 - 3.1. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - 3.2. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - 3.3. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - 3.4. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử;
 - 3.5. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

Điều 10. Điều kiện tiến hành

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết hoặc tỷ lệ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 11. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp (trực tiếp hoặc trực tuyến) hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 12. Cách thức bỏ phiếu

1. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.
2. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

Điều 13. Cách thức kiểm phiếu

1. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.
2. Ban kiểm phiếu phải chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

Điều 14. Điều kiện để nghị quyết được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều này; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định:
 - 1.1. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - 1.2. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - 1.3. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
 - 1.4. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;
 - 1.5. Tổ chức lại, giải thể công ty;

- 1.6. Vấn đề khác do Điều lệ công ty quy định.
2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 3, 4 và 6 Điều này; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định.
3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu.
4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định.
5. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông qua; trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.
6. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 15. Thông báo kết quả kiểm phiếu;

1. Kết quả kiểm phiếu được thông báo ngay tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
2. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

Điều 16. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 17. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại Luật doanh nghiệp 2020 và Điều lệ Công ty. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.
3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
4. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.
6. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

Điều 18. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty

Điều 19. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây có thể thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, bao gồm nhưng không giới hạn trong các nội dung sau:
 - 1.1. Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty;
 - 1.2. Định hướng phát triển công ty;
 - 1.3. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - 1.4. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - 1.5. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;
 - 1.6. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - 1.7. Tổ chức lại, giải thể công ty.
2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
 - 2.1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty.
 - 2.2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất là 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến, nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 141 của Luật doanh nghiệp 2020. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 143 của Luật doanh nghiệp 2020.

Điều 20. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến

1. Hội đồng quản trị quyết định việc tổ chức thông qua nghị quyết Đại hội cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tuyến khi xét thấy cần thiết, vì lợi ích công ty.
2. Trường hợp tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến, Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm ban hành các văn bản để quy định trình tự, thủ tục tổ chức cuộc họp và biểu quyết trên cơ sở phù hợp với quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật.

Điều 21. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến

1. Hội đồng quản trị quyết định việc tổ chức thông qua nghị quyết Đại hội cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến khi xét thấy cần thiết, vì lợi ích công ty.
2. Trường hợp tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến, Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm ban hành các văn bản để quy định trình tự, thủ tục tổ chức cuộc họp và biểu quyết trên cơ sở phù hợp với quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật.

CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 22. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị có vai trò, quyền và nghĩa vụ như sau:

1. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;
2. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
3. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
4. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty;
5. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 của Luật doanh nghiệp 2020;
6. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
7. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
8. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trừ lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 của Luật doanh nghiệp 2020;
9. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
10. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;
11. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
12. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
13. Trình báo cáo tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;
14. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
15. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể công ty; yêu cầu phá sản công ty;
16. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 23. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị
 - 1.1. Hội đồng quản trị có từ 03 đến 11 thành viên.
 - 1.2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục
2. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị
 - 2.1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp 2020;
 - b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp

Điều lệ công ty có quy định khác;

- c. Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác.
- 2.2. Trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác, thành viên độc lập Hội đồng quản trị theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 của Luật doanh nghiệp 2020 phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
 - b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
 - c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;
 - d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;
 - e. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.
- 2.3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.
3. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị
Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị.
4. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị
Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.
5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị
 - 5.1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật doanh nghiệp 2020;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.
 - 5.2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - b. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.
- 5.3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại tiết (a) và (b) điểm 5.2 của Khoản này.
- 5.4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
- a. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
 - b. Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật;
 - c. Trừ trường hợp quy định tại tiết (a) và (b) điểm này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.
6. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị
- Trước và sau khi bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Công ty phải thực hiện Công bố thông tin theo đúng quy định của pháp luật.
7. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị
- Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm tổ chức họp để thông qua việc giới thiệu ứng viên vào Hội đồng quản trị
8. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị
- 8.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
- 8.2. Chủ tịch Hội đồng quản trị công ty không được kiêm Tổng giám đốc

Điều 24. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

- 1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị
- 2. Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác thì tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị được trả theo quy định sau đây:
 - 2.1. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên;
 - 2.2. Thành viên Hội đồng quản trị được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác khi thực hiện nhiệm vụ được giao;

Điều 25. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị

- 1. Số lượng cuộc họp tối thiểu

Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường.

- 2. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường

Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường trong trường hợp sau đây:

 - 2.1. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

- 2.2. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- 2.3. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- 2.4. Chủ tịch Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết, vì lợi ích Công ty;
- 2.5. Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.
3. Thông báo họp Hội đồng quản trị
 - 3.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.
 - 3.2. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.
4. Quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát
Thành viên Ban kiểm soát có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị.
5. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị
Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
6. Cách thức biểu quyết;
Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - 6.1. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - 6.2. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 8 Điều này;
 - 6.3. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - 6.4. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - 6.5. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty
7. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị
Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
8. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị
Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
9. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị;
 - 9.1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác.
 - 9.2. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
 - 9.3. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

10. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị;
Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định pháp luật thì biên bản này có hiệu lực.
11. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị
Hội đồng quản trị thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đến các cá nhân, bộ phận liên quan khi Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết, vì lợi ích công ty.

Điều 26. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định

Điều 27. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

1. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty
Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty
2. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty
Hội đồng quản trị có quyền bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty
3. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty
Hội đồng quản trị miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty trong trường hợp sau đây:
 - 3.1. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định;
 - 3.2. Có đơn từ chức;
 - 3.3. Khi xét thấy cần thiết, vì lợi ích công ty;
 - 3.4. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ, Quy chế của công ty và quy định pháp luật.
4. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty;
Công ty phải công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty.
5. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty
 - 5.1. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa công ty và cổ đông;
 - 5.2. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
 - 5.3. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - 5.4. Tham dự các cuộc họp;
 - 5.5. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - 5.6. Cung cấp các thông tin tài chính, biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
 - 5.7. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty;
 - 5.8. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
 - 5.9. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
 - 5.10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

CHƯƠNG IV. BAN KIỂM SOÁT

Điều 28. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có vai trò, quyền và nghĩa như sau:

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty.
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật doanh nghiệp 2020.
6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật doanh nghiệp 2020, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.
7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.
8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 của Luật doanh nghiệp 2020 phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty.
10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.
11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
12. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 29. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát

1. Nhiệm kỳ, số lượng thành viên Ban Kiểm soát
 - 1.1. Ban kiểm soát có từ 03 đến 05 Kiểm soát viên. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
 - 1.2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số Kiểm soát viên thường trú

tại Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tiêu chuẩn khác cao hơn.

- 1.3. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.
2. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát
 - 2.1. Kiểm soát viên phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp 2020;
 - b. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
 - c. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác;
 - d. Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
 - e. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.
 - 2.2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện nêu trên, Kiểm soát viên còn không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại công ty.
3. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát
Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị.
4. Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát;
Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.
5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát
 - 5.1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 169 của Luật doanh nghiệp 2020;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c. Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.
 - 5.2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

- c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật doanh nghiệp 2020 và Điều lệ công ty;
- d. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
- 6. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát
Trước và sau khi bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Công ty phải thực hiện Công bố thông tin theo đúng quy định của pháp luật.
- 7. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát
 - 7.1. Kiểm soát viên được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát;
 - 7.2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;
 - 7.3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty.

CHƯƠNG V. TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 30. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc

Tổng giám đốc có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- 1. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- 2. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- 3. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty;
- 4. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty;
- 5. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- 6. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
- 7. Tuyển dụng lao động;
- 8. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- 9. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 31. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc

Hội đồng quản trị có quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc

- 1. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc
 - 1.1. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
 - 1.2. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:
 - a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp 2020;
 - b. Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của

- doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ;
- c. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty.
 2. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc Trước và sau khi bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc, Công ty phải thực hiện công bố thông tin theo quy định pháp luật
 3. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc
 - 3.1. Công ty có quyền trả lương, thưởng cho Tổng giám đốc theo kết quả và hiệu quả kinh doanh. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
 - 3.2. Tiền lương của Tổng giám đốc được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

CHƯƠNG VI. CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

Điều 32. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc, gồm các nội dung chính sau đây:

1. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc;
 - 1.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc trong trường hợp sau đây:
 - a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - b. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Chủ tịch Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết, vì lợi ích công ty;
 - e. Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.
 - 1.2. Đề nghị quy họp nêu trên phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
 - 1.3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp.
 - 1.4. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp nếu Điều lệ công ty không có quy định khác. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp.

Thông báo mời họp có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên dự họp được đăng ký tại công ty.
 - 1.5. Cuộc họp được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định thời hạn khác ngắn hơn. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên dự họp.
2. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc;

Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông báo nghị quyết, quyết định của mình cho Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc

3. Các trường hợp Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị
 Khi xét thấy cần thiết, vì lợi ích công ty, Tổng Giám đốc hoặc Ban kiểm soát có quyền đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
4. Báo cáo của Tổng Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao.
 Kết thúc năm tài chính, Tổng Giám đốc phải gửi đến Hội đồng quản trị Báo cáo và kiểm điểm về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao cũng như việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác .
5. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - 5.1. Trong trường hợp cấp thiết, Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, cán bộ điều hành khác trong công ty cung cấp các thông tin về hoạt động của công ty. Hội đồng quản trị không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.
 - 5.2. Các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị phê duyệt theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty mà được Tổng giám đốc đề xuất phải được Hội đồng quản trị phản hồi trong thời hạn theo quy định của Điều lệ Công ty.
 - 5.3. Hội đồng quản trị quyết định khen thưởng hoặc kỷ luật đối với việc hoàn thành hoặc không hoàn thành thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc.
6. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên.
 - 6.1. Tổng giám đốc là người thay mặt điều hành hoạt động của công ty, đảm bảo công ty hoạt động liên tục và hiệu quả.
 - 6.2. Tổng giám đốc điều hành chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu;
 - 6.3. Khi có đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty, Tổng giám đốc gửi cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát sớm nhất có thể nhưng không ít hơn 7 ngày trước ngày nội dung đó cần được quyết định;
 - 6.4. Tổng giám đốc điều hành phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý;
 - 6.5. Các nội dung khác cần xin ý kiến của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải được gửi trước ít nhất là 7 ngày làm việc và Hội đồng quản trị sẽ phản hồi trong vòng 7 ngày.

Điều 33. Đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác

Trong trường hợp cần thiết Công ty sẽ xây dựng quy định về đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác bao gồm các nội dung chính sau đây:

1. Xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá;
2. Xây dựng hệ thống khen thưởng và kỷ luật;
3. Tổ chức bộ máy đánh giá, khen thưởng và kỷ luật;
4. Tổ chức thực hiện.

CHƯƠNG VII. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 34. Hiệu lực thi hành

Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Dược phẩm Cửu Long bao gồm 7 chương, 34 điều, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 23 tháng 04 năm 2021 và thay thế Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty được ban hành trước đây.

Điều 35. Tổ chức thực hiện

Hội đồng Quản trị, Ban điều hành, các phòng ban, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Sang

Vĩnh Long, ngày 23 tháng 04 năm 2021

DỰ THẢO

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;
- Căn cứ Luật chứng khoán: 54/2019/QH14, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Dược phẩm Cửu Long;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 Công ty cổ phần Dược phẩm Cửu Long, số 01/NQ-ĐHDCĐ ngày 23 tháng 04 năm 2021,

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Dược phẩm Cửu Long

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Dược phẩm Cửu Long bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.
2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp

luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:
 - a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;
 - b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
 - c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;
 - d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - e) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.
3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty niêm yết phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.
2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có từ 03 đến 11 thành viên.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.
3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.
4. Điều lệ công ty quy định cụ thể quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
 - b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
 - c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;

- d) Đối với doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp và công ty con của doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp thì thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ;
 - e) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty .
2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
- a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
 - b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
 - c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;
 - d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
 - e) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;
 - f) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.
3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

- 1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
- 2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Tổng giám đốc .
- 3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
- 4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có

người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
 - b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
 - c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
 - d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
 - e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.
3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.
4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
 - b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp;
 - c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác thì việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

- a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quy định tại Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.
2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.
 3. Trường hợp Điều lệ công ty không quy định khác, việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.
 4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:
 - a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty.
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

CHƯƠNG III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
 - f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
 - i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
 - j) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
 - k) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
 - m) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
 - n) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - o) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
 - p) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của Công ty;
 - q) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.
3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.
4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết

định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:
 - a) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
 - b) Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
 - c) Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
 - d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
 - e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường: Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;
3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
 - b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
 - c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
 - d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
 - e) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;

- f) Xác định thời gian và địa điểm họp;
- g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;
- h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

- 1. Hội đồng quản trị có quyền thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
- 2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

CHƯƠNG IV

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

- 1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
- 2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
- 3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
 - d) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.
- 4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
- 5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
- 6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
- 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

8. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
9. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
10. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.
11. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
12. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
13. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tỷ lệ khác cao hơn, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Thời gian, địa điểm họp;
 - c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - e) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.
2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.
3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về

tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

CHƯƠNG V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:
 - a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
 - b) Báo cáo tài chính;
 - c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
 - d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.
2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.
3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

- Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

- Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
 - Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
- Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
- Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

CHƯƠNG VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

- Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.
- Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.
- Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

- Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối

hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

CHƯƠNG VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Dược phẩm Cửu Long bao gồm 7 chương, 23 điều, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 23 tháng 04 năm 2021 và thay thế Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty được ban hành trước đây (nếu có).

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Sang

Vĩnh Long, ngày 23 tháng 04 năm 2021

DỰ THẢO

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;
- Căn cứ Luật chứng khoán: 54/2019/QH14, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Dược phẩm Cửu Long;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 Công ty cổ phần Dược phẩm Cửu Long, số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 04 năm 2021,

Ban kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Dược phẩm Cửu Long.

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Dược phẩm Cửu Long bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

CHƯƠNG II

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.
6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có từ 03 đến 05 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
4. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
 - b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
 - c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;
 - d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
 - e) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - f) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;
 - g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.
2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát công ty đại chúng, doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Công ty.

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.
3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác, việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện như sau:
 - a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Căn cứ số lượng thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quy định của Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.
2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:
 - a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:
 - a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác;
 - e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

CHƯƠNG III

BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.
10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.
11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.
13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.
14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.
15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.
16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.
18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.
20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.
21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

24. Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:
 - a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;
 - b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
 - c) Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.
2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
 - a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
 - b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;
 - c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện, [trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác].
2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.
3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

CHƯƠNG IV

CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm

soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

CHƯƠNG V

BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

1. Kết thúc năm tài chính Ban kiểm soát phải chuẩn bị Báo cáo thẩm định để trình Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác, tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
 - a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
4. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

CHƯƠNG VI

MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Dược phẩm Cửu Long bao gồm 07 chương, 22 điều, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 23 tháng 04 năm 2021 và thay thế Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty được ban hành trước đây (nếu có).

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Vĩnh Long, ngày 30 tháng 03 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v: thông qua việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát

Kính trình : ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;
- Căn cứ Luật chứng khoán: 54/2019/QH14, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Dược phẩm Cửu Long;
- Căn cứ đơn xin thôi giữ chức vụ thành viên Ban kiểm soát của bà Vũ Thị Minh Hoài kể từ thời điểm được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 thông qua;
- Căn cứ tình hình hoạt động của Công ty, trên cơ sở phù hợp với Điều lệ và thông lệ về quản trị công ty đại chúng,

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2017 - 2022 như sau:

- I.** Miễn nhiệm chức vụ thành viên Ban kiểm soát Công ty đối với bà Vũ Thị Minh Hoài:
 1. Thời điểm miễn nhiệm: kể từ ngày 23/04/2021.
 2. Giao bộ phận nhân sự Công ty xem xét và giải quyết các vấn đề về quyền lợi, chế độ của người được miễn nhiệm theo đúng quy định của Công ty và pháp luật có liên quan.
- II.** Thông qua việc bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2017 - 2022:
 1. Số lượng thành viên bầu bổ sung: Ban kiểm soát Công ty đề xuất số lượng thành viên Ban kiểm soát bầu bổ sung là 01 thành viên.
 2. Tiêu chuẩn điều kiện ứng viên thành viên Ban kiểm soát Công ty
 - a) Ứng viên Ban kiểm soát phải đáp ứng được các điều kiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp 2020, Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ và Điều lệ Công ty.
 - b) Ứng viên tự ứng cử hoặc được đề cử bởi cổ đông/nhóm cổ đông/đại diện theo ủy quyền của cổ đông/nhóm cổ đông có quyền đề cử và/hoặc ứng viên do Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử theo quy định tại Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Điều lệ Công ty.
- III.** Danh sách ứng viên được bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2017 - 2022
Danh sách ứng viên được tập hợp từ những người đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện nêu trên và có đầy đủ hồ sơ nộp về Công ty đúng thời hạn theo Thông báo về việc đề cử, ứng cử thành viên Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Dược phẩm Cửu Long nhiệm kỳ 2017 - 2022. Danh sách này sẽ được công bố tại Đại hội trước thời điểm bầu cử.

Kính trình Đại hội xem xét và thông qua.

Trân trọng cảm ơn.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

(Đã ký, đóng dấu)

Nguyễn Văn Sang

THÔNG BÁO

V/v: đề cử, ứng cử bổ sung thành viên thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2017-2022

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty cổ phần Dược phẩm Cửu Long

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Dược phẩm Cửu Long.

Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Dược phẩm Cửu Long xin trân trọng thông báo đến các cổ đông về việc ứng cử, đề cử bổ sung vào thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2017-2022 như sau:

I. Số lượng thành viên Ban kiểm soát dự kiến bầu bổ sung: 01 thành viên.

II. Tiêu chuẩn, điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát:

Theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và Điều 37 Điều lệ Công ty, Thành viên Ban kiểm soát phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp 2020;
2. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
3. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác;
4. Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
5. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

III. Điều kiện đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát:

1. Điều kiện ứng cử thành viên Ban kiểm soát:

Căn cứ Khoản 1 Điều 36 Điều lệ Công ty, cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty và đáp ứng đủ điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát quy định tại Mục II Thông báo này đều có quyền tham gia ứng cử thành viên Ban kiểm soát của Công ty.

2. Điều kiện đề cử thành viên vào Ban kiểm soát:

- a) Căn cứ Khoản 1 Điều 36 Điều lệ Công ty, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công Ty có quyền đề cử các ứng viên Ban kiểm soát.
- b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.
- c) Trường hợp số lượng ứng cử viên được cổ đông, nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số lượng thành viên Ban kiểm soát cần bầu bổ sung thì số ứng cử viên còn lại do Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

IV. Hồ sơ tham gia đề cử, ứng cử vào Ban kiểm soát:

Các cổ đông đủ tiêu chuẩn ứng cử, đề cử để bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Dược phẩm Cửu Long nhiệm kỳ 2017-2022 gửi hồ sơ ứng cử, đề cử chậm nhất 17 giờ ngày 20/4/2021 theo thông tin như sau:

1. Thư ký Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Dược phẩm Cửu Long
 - Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long
 - Người liên hệ: bà Nguyễn Ngọc Bích Ly
 - Điện thoại: 0273 822533
2. Hồ sơ ứng cử, đề cử bao gồm:
 - Đơn đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát (theo mẫu);
 - Sơ yếu lý lịch của ứng cử viên (theo mẫu);
 - Bản sao có công chứng, chứng thực CMND/ hộ chiếu.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(Đã ký, đóng dấu)

Nguyễn Văn Sang

DỰ THẢO

**QUY CHẾ BẦU CỬ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG**

1. Mục tiêu:

- Đảm bảo tuân thủ luật pháp và Điều lệ Công ty ;
- Đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ và quyền lợi hợp pháp của tất cả cổ đông;
- Đảm bảo tính tập trung, ổn định tổ chức của Phiên họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Nguyên tắc bầu cử thành viên Ban Kiểm soát:

Việc biểu quyết bầu thành viên BKS được thực hiện bỏ phiếu kín theo phương thức bầu dồn phiếu. Theo đó, mỗi Cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu vào BKS. Mỗi cổ đông được phát 01 (một) tờ phiếu bầu thành viên BKS với tổng số phiếu bầu thành viên BKS bằng số cổ phần sở hữu và đại diện x 01 (số lượng thành viên BKS bầu trong Đại hội).

2.1. Cổ đông bầu thành viên BKS bằng cách điền số phiếu bầu tương ứng cho từng ứng cử viên BKS sao cho tổng số phiếu bầu thành viên BKS không lớn hơn số cổ phần sở hữu và đại diện x số lượng thành viên BKS được bầu trong Đại Hội.

2.2. Phương thức bầu cử

Cổ đông có quyền:

- Dồn toàn bộ số phiếu của mình cho một ứng viên; hoặc
- Có thể chia số phiếu bầu cho các ứng viên theo tỷ lệ do Cổ đông lựa chọn đảm bảo tổng số phiếu bầu cho các ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số phiếu bầu có quyền biểu quyết của cổ đông đó.

2.3. Những phiếu bầu cử sau đây là không hợp lệ:

- Phiếu không phải là phiếu do Ban bầu cử phát;
- Phiếu không có dấu treo kiểm soát tài liệu của Ban tổ chức Đại hội;
- Phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên vượt quá tổng số phiếu bầu được phép của cổ đông đó;
- Phiếu ghi thêm tên người ngoài danh sách ứng cử viên;
- Phiếu bầu không có chữ ký của cổ đông.

3. Nguyên tắc lựa chọn các ứng cử viên trúng cử vào BKS:

3.1. Số lượng ứng cử viên trúng cử bầu vào BKS là 01 ứng viên có số phiếu bầu cao nhất.

3.2. Trong trường hợp không lựa chọn được số thành viên BKS do có nhiều ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau thì sẽ tổ chức bầu lại riêng những người đó để chọn người có số phiếu cao hơn.

3.3. Các vấn đề phát sinh sẽ được xin ý kiến cổ đông trực tiếp tại Đại hội.

4. Hiệu lực thi hành:

- Quy chế bầu cử này đã được công bố công khai trước Đại hội đồng cổ đông và lấy ý kiến biểu quyết của toàn thể cổ đông trước khi tiến hành bầu cử.
- Nếu được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Quy chế này sẽ có hiệu lực thi hành bắt buộc đối với tất cả các cổ đông.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(Đã ký, đóng dấu)

Nguyễn Văn Sang

DỰ THẢO

QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ BIỂU QUYẾT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Dược phẩm Cửu Long,

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Dược phẩm Cửu Long (“**Công ty**”) được tổ chức và thực hiện theo Quy chế sau đây:

Điều 1. Mục đích

1. Đảm bảo trình tự, nguyên tắc tổ chức, biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty diễn ra đúng quy định pháp luật và thành công tốt đẹp.
2. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thể hiện ý chí thống nhất của Đại hội đồng cổ đông, đáp ứng nguyện vọng quyền lợi của cổ đông và đúng pháp luật.

Điều 2. Đối tượng và phạm vi

1. Đối tượng: Tất cả các cổ đông, đại diện theo ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty đều phải chấp hành, tuân thủ các quy định tại Quy chế này, Điều lệ Công ty và quy định hiện hành của pháp luật.
2. Phạm vi áp dụng: Quy chế này được sử dụng cho việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty.

Điều 3. Điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất **51%** cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.
3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.

Điều 4. Đại biểu tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Các cổ đông của Công ty và người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết (Ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp: 22/03/2021) đều có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông.
2. Cổ đông và/hoặc đại diện theo ủy quyền sau đây được gọi là “Đại biểu” khi vào phòng Đại hội phải có mặt đúng thời gian quy định và làm thủ tục đăng ký với Ban tổ chức Đại hội.
3. Trong thời gian diễn ra Đại hội đồng cổ đông, Đại biểu phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của Đoàn Chủ tọa, ứng xử văn minh, lịch sự và giữ trật tự Đại hội.
4. Các Đại biểu phải giữ bí mật, thực hiện đúng chế độ sử dụng và bảo quản tài liệu, không sao chép, ghi âm đưa cho người ngoài Đại hội khi chưa được Đoàn Chủ tọa cho phép.
5. Không hút thuốc lá trong phòng Đại hội.
6. Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong lúc diễn ra Đại hội, tất cả các máy điện thoại di động phải được tắt hoặc không để chuông.

Điều 5. Đoàn Chủ tọa

1. Đoàn Chủ tọa gồm 03 người, bao gồm 01 Chủ tịch và 02 thành viên. Chủ tịch Hội đồng quản trị là Chủ tịch Đoàn và là Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty.
2. Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tọa:
 - a. Điều hành các hoạt động của Đại hội đồng cổ đông theo Chương trình Đại hội được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua tại Đại hội;
 - b. Hướng dẫn các Đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình;
 - c. Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;
 - d. Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu;
 - e. Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.
3. Nguyên tắc làm việc của Đoàn Chủ tọa: Đoàn Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.

Điều 6. Ban Thư ký Đại hội

1. Ban Thư ký của Đại hội do Chủ tọa/Người được Chủ tọa chỉ định để điều hành Đại hội chỉ định, gồm 02 thành viên. Ban Thư ký chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của mình và dưới sự điều hành của Đoàn Chủ tọa.
2. Nhiệm vụ của Ban Thư ký:
 - a. Giúp Đoàn Chủ tọa kiểm tra tư cách Đại biểu dự họp (khi cần thiết);
 - b. Hỗ trợ Đoàn Chủ tọa công bố dự thảo các văn kiện, kết luận, Nghị quyết của Đại hội và gửi thông báo của Đoàn Chủ tọa đến các Đại biểu khi được yêu cầu;
 - c. Tiếp nhận, rà soát Phiếu thảo luận, các ý kiến của Đại biểu, chuyển Đoàn Chủ tọa quyết định;
 - d. Ghi chép đầy đủ trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội và các vấn đề đã được thông qua hoặc còn lưu ý vào Biên bản Đại hội;
 - e. Soạn thảo Nghị quyết về các vấn đề được thông qua tại Đại hội.

Điều 7. Ban kiểm tra tư cách Đại biểu

1. Ban kiểm tra tư cách Đại biểu của Đại hội gồm 02 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và 01 thành viên do Ban Tổ chức Đại hội chỉ định. Ban kiểm tra tư cách Đại biểu chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của mình.

2. Nhiệm vụ của Ban kiểm tra tư cách Đại biểu:

a. Ban kiểm tra tư cách Đại biểu của Đại hội có trách nhiệm kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp.

b. Trưởng Ban kiểm tra tư cách Đại biểu báo cáo với Đại hội đồng cổ đông tình hình đại biểu dự họp. Nếu cuộc họp có đủ số lượng Đại biểu dự họp đại diện ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty được tiến hành.

Điều 8. Ban kiểm phiếu

1. Ban kiểm phiếu của Đại hội gồm 02 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và 01 thành viên do Chủ tọa/Người được Chủ Tọa chỉ định để điều hành Đại hội giới thiệu và được Đại hội biểu quyết thông qua.

2. Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu:

a. Ban kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu và chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông khi thực hiện nhiệm vụ của mình;

b. Xác định chính xác kết quả biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết và bằng phiếu biểu quyết tại Đại hội;

c. Nhanh chóng thông báo kết quả biểu quyết cho Ban Thư ký;

d. Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm quy chế biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả kiểm phiếu.

Điều 9. Thảo luận/Phát biểu tại Đại hội

1. Nguyên tắc:

a. Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong chương trình nội dung Đại hội đồng cổ đông;

b. Đại biểu có ý kiến đăng ký nội dung vào Phiếu thảo luận và chuyển cho Ban Thư ký;

c. Ban Thư ký sẽ sắp xếp các Phiếu thảo luận của Đại biểu theo thứ tự đăng ký và chuyển lên cho Đoàn chủ tọa;

d. Đại biểu khi cần phát biểu hoặc tranh luận thì giơ tay, chỉ khi được Chủ tọa/Người được Chủ tọa chỉ định để điều hành Đại hội nhất trí mới được phát biểu. Mỗi Đại biểu phát biểu/tranh luận không quá 03 phút, nội dung cần ngắn gọn, tránh trùng lặp.

2. Giải đáp ý kiến của các Đại biểu:

a. Trên cơ sở Phiếu thảo luận của Đại biểu, Chủ tọa hoặc thành viên do Chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến của Đại biểu;

b. Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được Công ty trả lời trực tiếp bằng văn bản.

Điều 10. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội

1. Nguyên tắc:

a. Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được Đại hội đồng cổ đông thảo luận công khai và tiến hành biểu quyết công khai bằng giơ tay biểu quyết hoặc bỏ phiếu kín bằng phiếu biểu quyết.

b. Phiếu biểu quyết được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho đại biểu tại Đại hội (kèm theo bộ tài liệu tham dự ĐHĐCĐ). Mỗi đại biểu được cấp một Phiếu biểu quyết. Trên Phiếu biểu quyết có ghi họ tên đại biểu, số phiếu biểu quyết căn cứ trên số cổ phần có quyền biểu quyết do cổ đông sở hữu và/hoặc nhận ủy quyền, và các nội dung cần biểu quyết.

c. Hình thức biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 như sau:

+ Biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết: hình thức này được dùng để thông qua các vấn đề: Chương trình Đại hội, Quy chế tổ chức và biểu quyết tại Đại hội, Quy chế bầu cử Thành viên BKS, Thành phần Ban kiểm phiếu, Danh sách ứng cử viên thành viên BKS, Biên bản Đại hội, Nghị quyết Đại hội;

+ Biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết: hình thức này được dùng để thông qua các Báo cáo, các nội dung trình Đại hội được xác định và ghi rõ trong từng phiếu biểu quyết gửi cho mỗi cổ đông.

2. Cách thức biểu quyết:

a. Đại biểu thực hiện việc biểu quyết để “Tán thành”, “Không tán thành” hoặc “Không ý kiến” một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ Thẻ biểu quyết theo hiệu lệnh của Chủ tọa hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết tương ứng với các nội dung cần biểu quyết theo quy định tại Điểm c Khoản này.

b. Khi biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết: Đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết “Tán thành”, “Không tán thành” hoặc “Không ý kiến” của một vấn đề thì được xem như biểu quyết “Tán thành” về vấn đề đó. Trường hợp đại biểu giơ Thẻ biểu quyết trong hai hoặc cả ba lần biểu quyết “Tán thành”, “Không tán thành” hoặc “Không ý kiến” của một vấn đề thì được xem như biểu quyết “Tán thành” cho vấn đề đó.

c. Khi biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết: Đối với từng nội dung, đại biểu chọn một trong ba phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu “X” hoặc “✓” vào ô mình chọn. Sau khi hoàn tất tất cả nội dung cần biểu quyết của Đại hội, Đại biểu gửi Phiếu biểu quyết về Hòm phiếu kín tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu.

3. Phiếu biểu quyết không hợp lệ:

a. Phiếu không phải do Ban tổ chức phát ra

b. Phiếu không có đầy đủ chữ ký và ghi rõ họ tên của Đại biểu;

c. Phiếu biểu quyết bị gạch xoá, sửa chữa, ghi thêm các nội dung không đúng theo hướng dẫn tại Quy chế tổ chức và biểu quyết này;

d. Các vấn đề biểu quyết không được lựa chọn hoặc lựa chọn nhiều hơn một phương án cho một nội dung biểu quyết thì nội dung đó được coi là không hợp lệ.

e. Phiếu biểu quyết nộp cho Ban Kiểm phiếu sau khi việc bỏ phiếu kết thúc và Hòm phiếu đã được niêm phong.

Các Phiếu biểu quyết không hợp lệ vẫn được tính vào tổng số phiếu biểu quyết để tính kết quả kiểm phiếu.

4. Thẻ lệ biểu quyết

Các vấn đề cần lấy biểu quyết tại Đại hội chỉ được thông qua khi đạt được tỷ lệ biểu quyết đồng ý của ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội. Riêng một số trường hợp vấn đề biểu quyết được quy định tại Khoản 3 Điều 21 Điều lệ Công ty thì phải có sự đồng ý ít nhất 65% số cổ phần có quyền tham dự Đại hội.

Điều 11. Biên bản, Nghị Quyết họp Đại hội đồng cổ đông

Biên bản họp và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

Điều 12. Thi hành Quy chế

Đại biểu dự họp Đại hội phải chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế tổ chức và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Đại biểu vi phạm Quy chế này thì tùy theo mức độ cụ thể, Đoàn Chủ tọa sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.

Quy chế tổ chức và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông Công ty biểu quyết thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(Đã ký, đóng dấu)

Nguyễn Văn Sang

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Dược phẩm Cửu Long;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 của Công ty cổ phần Dược phẩm Cửu Long, ngày 23/04/2021,

Đại hội đồng cổ đông đã thảo luận và biểu quyết thông qua các nội dung sau:

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về hoạt động năm 2020 và phương hướng hoạt động 2021.

Điều 2. Thông qua Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về kết quả sản xuất kinh doanh 2020 và kế hoạch kinh doanh 2021.

Điều 3. Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động của Công ty năm 2020 và kế hoạch hoạt động 2021.

Điều 4. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã kiểm toán:

Báo cáo tài chính năm 2020 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY, ký ngày 26 tháng 3 năm 2021.

- Doanh thu thuần: 671.246.206.966 đồng

- Lợi nhuận sau thuế: 68.927.680.762 đồng.

Điều 5. Thông qua Tờ trình về Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 Kế hoạch kinh doanh 2021:

Đại hội đồng cổ đông thống nhất Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 và Kế hoạch kinh doanh năm 2021 như sau:

1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020

STT	Khoản mục	Số tiền
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	690.600.452.595 đồng
2	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	85.944.370.290 đồng
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	68.927.680.762 đồng
4	Cổ tức 2020	không chia

Lý do không chia cổ tức năm 2020: công ty đang trong giai đoạn đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh.

2. Kế hoạch kinh doanh năm 2021

STT	Khoản mục	Số tiền
1	Doanh thu thuần	805.000.000.000 đồng

2	Lợi nhuận gộp	301.457.000.000 đồng
3	Lợi nhuận trước thuế	110.009.000.000 đồng

Điều 6. Thông qua Tờ trình về phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) như sau:

1. Phương án phát hành:

- a) Mục đích phát hành: Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Công ty nhằm khuyến khích, ghi nhận đóng góp của người lao động cho Công ty.
- b) Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành: số tiền thu được từ việc phát hành sẽ được sử dụng để tăng vốn điều lệ, bổ sung vốn lưu động phục vụ cho nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- c) Loại cổ phiếu phát hành: Cổ phiếu phổ thông;
- d) Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu.
- e) Thời điểm phát hành dự kiến: Trong năm 2021. Thời điểm cụ thể do HĐQT Công ty lựa chọn;
- f) Phương thức phát hành: Phát hành trực tiếp cho người lao động của Công ty;
- g) Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 2.000.000 cổ phiếu;
- h) Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu;
- i) Đối tượng phát hành:
 - Là công đoàn cơ sở của Công ty;
 - Người lao động, thành viên ban lãnh đạo, ban điều hành, người quản lý của Công ty.

Chi tiết đối tượng phát hành và được quyền tham gia theo Quy chế phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động được phê duyệt tại mục 6 dưới đây.

- j) Hạn chế chuyển nhượng: Toàn bộ số lượng cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành.

2. Thông qua việc tăng vốn điều lệ của Công ty tương ứng với tổng mệnh giá số lượng cổ phiếu thực tế được phát hành.

3. Thông qua việc sửa đổi Điều lệ về mức vốn điều lệ mới trên cơ sở tổng mệnh giá số lượng cổ phiếu thực tế được phát hành.

Thông qua việc giao và ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty sửa đổi nội dung liên quan đến vốn điều lệ và tổng số cổ phần của Công ty trong Điều lệ Công ty căn cứ trên thực tế triển khai kế hoạch phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động.

4. Thông qua việc đăng ký chứng khoán và đăng ký giao dịch bổ sung cho số lượng cổ phiếu thực tế được phát hành với Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam và Sở Giao dịch Chứng khoán.

5. Thông qua việc giao và ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty sửa đổi nội dung liên quan đến vốn điều lệ và tổng số cổ phần của Công ty trong Điều lệ Công ty căn cứ trên thực tế triển khai kế hoạch phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động.

6. Giao và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị, đồng thời cho phép Hội đồng Quản trị được ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Tổng Giám đốc:

- a) Ban hành quy chế phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động;
- b) Quyết định tổng số lượng cổ phiếu phát hành phù hợp phương án phát hành và quy định của pháp luật; tiêu chuẩn người lao động, danh sách người lao động được tham gia chương trình; số lượng cổ phiếu phát hành, giá phát hành cho từng người lao động và thời gian thực hiện;
- c) Thực hiện các thủ tục cần thiết để đăng ký tăng vốn điều lệ tại Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long, đăng ký lưu ký bổ sung số cổ phiếu thực tế phát hành tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch bổ sung số cổ phiếu thực tế phát hành được tại

Sở Giao dịch Chứng khoán;

- d) Bổ sung hoặc sửa đổi phương án phát hành theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và/hoặc cho mục đích tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan; và
- e) Quyết định những vấn đề khác và thực hiện những công việc khác mà Hội đồng Quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Tổng Giám đốc thấy là cần thiết liên quan đến việc phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động.

Điều 7. Thông qua Tờ trình về việc ủy quyền và giao cho Hội đồng quản trị phát hành tăng vốn điều lệ, với các thông tin chính như sau:

- 1. Vốn điều lệ hiện tại: 568.328.240.000 đồng
- 2. Số cổ phiếu đang lưu hành: 56.832.824 cổ phiếu
- 3. Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán: 14.208.206 cổ phiếu
- 4. Hình thức phát hành: Chào bán riêng lẻ
- 5. Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá dự kiến: 142.082.060.000 đồng
- 6. Vốn điều lệ dự kiến sau chào bán: 710.410.300.000 đồng
- 7. Số cổ phiếu lưu hành dự kiến sau chào bán cho cổ đông hiện hữu và chào bán riêng lẻ: 71.041.030 cổ phiếu
- 8. Mục đích sử dụng vốn: Bổ sung nguồn vốn lưu động và tăng vốn cho các công ty thành viên

Điều 8. Thông qua Tờ trình trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2020 như sau:

TT	Chỉ tiêu	Số tiền
1	Lợi nhuận sau thuế 2020:	68.927.680.762 đồng
2	Trích lập:	
	Quỹ khen thưởng phúc lợi	2.000.000.000 đồng
3	Lợi nhuận sau thuế giữ lại:	66.927.680.762 đồng

Điều 9. Thông qua Tờ trình việc giao và ủy quyền cho HĐQT quyết định các hợp đồng, giao dịch phát sinh doanh thu và/hoặc chi phí với những bên có liên quan và một số nội dung khác thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ, chi tiết như sau:

1. Thông qua các giao dịch giữa công ty với những bên có liên quan

- 1.1. Thông qua chủ trương về việc Công ty được ký kết và thực hiện các hợp đồng, giao dịch có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất với các đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp 2020 và/hoặc các giao dịch quy định tại Khoản 4, 5 Điều 293 Nghị định 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Chứng khoán.
- 1.2. Thông qua chủ trương về việc Công ty ký kết và thực hiện các hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.
- 1.3. Thông qua chủ trương về việc Công ty ký kết và thực hiện các các hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của công ty.
- 1.4. Thông qua chủ trương về việc Công ty cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh hoặc thực hiện các giao dịch khác và ký kết các hợp đồng, hồ sơ liên quan đến việc cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh hoặc các giao dịch khác với công ty con, công ty liên kết và các đơn vị thành viên khác của Công ty.

- 1.5. Giao và ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty quyết định các điều khoản và điều kiện cụ thể, ký kết và triển khai thực hiện những giao dịch nêu tại Khoản 1, 2, 3 và 4 Mục này theo nguyên tắc đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty; tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định tại Điều lệ, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các quy định pháp luật hiện hành. Thời hạn ủy quyền: kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho đến khi Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 có quyết định khác.
- 1.6. Danh sách các tổ chức có liên quan của Công ty, bao gồm nhưng không giới hạn trong các đơn vị sau:

STT	TÊN CÔNG TY	MỐI QUAN HỆ
1	Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T	Công ty mẹ
2	Công ty TNHH 1 thành viên Dược phẩm VPC -Sài Gòn	Công ty con
3	Công ty Cổ phần Thuốc ung thư Benovas	Công ty con
4	Công ty Cổ phần Dược phẩm Benovas	Công ty con
5	Công ty Cổ phần Thiết bị y tế Benovas	Công ty con
6	Công ty Cổ phần nước khoáng Khánh Hòa – FIT Beverage	Công ty có liên quan với thành viên HĐQT
7	Công ty Cổ phần FIT Cosmetics	Công ty có liên quan với thành viên HĐQT
8	Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Hoa Sen	Công ty có liên quan với thành viên BKS

2. Thông qua việc giao và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị xem xét quyết định các giao dịch có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên

Thông qua việc giao và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị Công ty xem xét quyết định các giao dịch thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, bao gồm nhưng không giới hạn trong các giao dịch đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty. Thời hạn ủy quyền: kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho đến khi Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 có quyết định khác.

Điều 10. Thông qua Tờ trình chi thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2020 và đồng ý việc chi thù lao năm 2021 như sau:

✓ **Chi thù lao năm 2020 :**

▪ **Hội đồng quản trị:**

- Số lượng: 05 thành viên.
- Mức chi trả : Chủ tịch: 5.000.000 đồng/tháng, thành viên: 4.000.000 đồng/tháng
- Thù lao được thanh toán hàng quý.
- Tổng chi trả : 252.000.000 đồng.

▪ **Ban kiểm soát :**

- Số lượng: 03 thành viên
- Mức chi trả : Trưởng ban: 3.000.000 đồng/tháng, thành viên: 2.000.000 đồng/tháng
- Thù lao được thanh toán hàng quý.
- Tổng chi trả : 84.000.000 đồng.

✓ **Chi thù lao năm 2021:** giữ nguyên như năm 2020, cụ thể như sau:

▪ **Hội đồng quản trị:**

- Số lượng: 05 thành viên.
- Mức chi trả : Chủ tịch: 5.000.000 đồng/tháng, thành viên: 4.000.000 đồng/tháng
- Thù lao được thanh toán hàng quý.
- Tổng chi trả : 252.000.000 đồng.

▪ **Ban kiểm soát :**

- Số lượng: 03 thành viên.
- Mức chi trả : Trưởng ban: 3.000.000 đồng/tháng, thành viên: 2.000.000 đồng/tháng
- Thù lao được thanh toán hàng quý.
- Tổng chi trả : 84.000.000 đồng.

Điều 11. Thông qua Tờ trình về việc chọn đơn vị kiểm toán năm 2021:

Đại hội đồng cổ đông thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 và báo cáo soát xét bán niên cho Công ty cổ phần Dược phẩm Cửu Long là công ty kiểm toán độc lập có trong danh sách các công ty kiểm toán được chấp thuận kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước công bố.

Điều 12. Thông qua Tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ, ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế hoạt động của BKS, cụ thể như sau:

1. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty theo Dự thảo đã được đệ trình tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021.
Thông qua việc giao cho Người đại diện theo pháp luật của công ty ký, ban hành Điều lệ mới sau khi được sửa đổi, bổ sung.
2. Thông qua việc ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty theo Dự thảo đã được đệ trình tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021.
Thông qua việc giao cho Chủ tịch Hội đồng quản trị ký, ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty.
3. Thông qua việc ban hành Quy chế hoạt động của HĐQT theo Dự thảo đã được đệ trình tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021.
Thông qua việc giao cho Chủ tịch Hội đồng quản trị ký, ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.
4. Thông qua việc ban hành Quy chế hoạt động của BKS theo Dự thảo đã được đệ trình tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021.
Thông qua việc giao cho Trưởng Ban kiểm soát ký, ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

Điều 13. Thông qua việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát:

- Thông qua việc miễn nhiệm chức danh thành viên Ban kiểm soát của bà Vũ Thị Minh Hoài kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 thông qua, ngày 23/04/2021.
- Thông qua việc bầu bổ sung ông/bà..... làm thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2017-2022, kể từ ngày 23/04/2021.

Điều 14. Triển khai thực hiện:

- Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc và tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo đúng quy định Pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Đại hội đồng cổ đông giao cho Ban Kiểm soát Công ty giám sát, kiểm tra hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty trong việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo đúng Pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, các Phòng, Ban, Đơn vị và những cá nhân có liên quan trong Công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Điều 15. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua toàn văn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Nơi nhận :

- Các cổ đông qua website Công ty;
- UBCKNN;
- Hose;
- HDQT, BKS, BTGD;
- Lưu PHCNS.

Nguyễn Văn Sang

PHIẾU BẦU THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2017-2022



Tổng số cổ phần: X.

Tổng số phiếu bầu có quyền bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu: X x 1.

Bầu đều

TT	HỌ VÀ TÊN ỨNG CỬ VIÊN	MÃ SỐ	SỐ PHIẾU BẦU
1	Ông/Bà [...]	*202*	

Lưu ý/Notes: Cổ đông bầu theo một trong hai trường hợp sau:

(*) Cổ đông đánh dấu (“X” hoặc “√”) vào ô Bầu đều trong trường hợp bầu số phiếu bằng nhau cho các ứng cử viên.

(**) Cổ đông ghi số phiếu cụ thể cho các ứng cử viên trong trường hợp bầu không đều. Cổ đông có thể dồn toàn bộ hoặc một phần trên tổng số phiếu biểu quyết của mình cho một ứng viên (nhưng không được vượt quá tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông).

Hà Nội, ngày 23 tháng 04 năm 2021

CỔ ĐÔNG/
ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- Phiếu bầu cử này chỉ có giá trị tại phiên họp ĐHĐCĐ thường niên 2021 - Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long (DCL)
- Các phiếu sau được coi là không hợp lệ:
 - + Phiếu không do DCL phát hành (không theo mẫu quy định, không có dấu của DCL trên phiếu bầu).
 - + Phiếu không có chữ ký của cổ đông/đại diện theo ủy quyền của cổ đông.
 - + Phiếu tẩy xóa hoặc phiếu ghi thêm tên người khác ngoài danh sách ứng cử viên được ĐHĐCĐ thông qua.
 - + Tổng số phiếu bầu vượt quá số phiếu bầu thực tế của cổ đông.
 - + Phiếu không dán tem ghi thông tin cổ đông.
 - + Các nội dung khác theo Quy chế bầu cử.

PHIẾU BIỂU QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021

NOI CỔ ĐÔNG DÁN TEM

STT	Nội dung biểu quyết	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến	Mã vạch
1	Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và kế hoạch hoạt động 2021;	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
2	Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về kết quả sản xuất kinh doanh 2020 và kế hoạch kinh doanh 2021;	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
3	Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020 và kế hoạch hoạt động 2021;	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
4	Tờ trình thông qua báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 đã kiểm toán;	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
5	Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận 2020 và kế hoạch kinh doanh 2021;	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
6	Tờ trình thông qua việc phát hành cổ phiếu cho người lao động;	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
7	Tờ trình thông qua việc ủy quyền và giao cho Hội đồng quản trị phát hành tăng vốn điều lệ của Công ty;	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
8	Tờ trình trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi 2020;	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
9	Tờ trình thông qua việc giao và ủy quyền cho HĐQT quyết định các hợp đồng, giao dịch phát sinh doanh thu và/hoặc chi phí với những bên có liên quan và một số nội dung khác thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ;	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
10	Tờ trình chi thù lao HĐQT, BKS năm 2020 và đề xuất chi năm 2021;	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	

Lưu ý: Cổ đông/đại diện cổ đông nộp lại phiếu này cho tổ kiểm phiếu sau khi kết thúc phần biểu quyết.

STT	Nội dung biểu quyết	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến	Mã vạch
11	Tờ trình chọn đơn vị kiểm toán 2021;	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
12	Tờ trình thông qua Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế hoạt động của BKS;	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
13	Tờ trình thông qua việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên BKS.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	

Hướng dẫn: Cổ đông biểu quyết bằng cách lựa chọn đánh dấu “X” vào MỘT trong các phương án: **Tán thành, Không tán thành, Không có ý kiến** cho từng nội dung biểu quyết.

Hà Nội, ngày 23 tháng 4 năm 2021

CỔ ĐÔNG/

ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG

(Ký, ghi rõ họ tên)



**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG**

NƠI CỔ ĐÔNG DÁN TEM

**THẺ BIỂU QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**



Vui lòng quét mã QR để truy cập tài liệu Đại hội